

**BÁO CÁO****sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị  
và chính quyền địa phương 2 cấp**

-----

Thực hiện Công văn số 08-CV/BCĐ, ngày 19/5/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

**I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới, phía Tây Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 9.548,0359 km<sup>2</sup>; đường biên giới đất liền tiếp giáp với Lào và Trung Quốc dài 455,573 km (phía Tây và Tây Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào dài 414,712 km; phía Tây Bắc giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc dài 40,861 km).

Tỉnh có 45 đơn vị hành chính cấp xã (03 phường, 42 xã) với 1.446 thôn, bản, tổ dân phố; dân số toàn tỉnh khoảng 67 vạn người; 19 dân tộc (dân tộc Mông 41,32%, dân tộc Thái 33,93%, dân tộc Kinh 15,96%, còn lại là các dân tộc khác).

Đến ngày 31/3/2026, Đảng bộ tỉnh Điện Biên có 49 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, gồm: 42 đảng bộ xã, 03 đảng bộ phường, Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, với 778 tổ chức cơ sở đảng (628 chi bộ cơ sở, 150 đảng bộ cơ sở); 828 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở; 1.446 chi bộ thôn, bản, tổ dân phố; tổng số 51.025 đảng viên; 23.413 cán bộ, công chức, viên chức<sup>1</sup>.

**II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

**1. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về việc hoàn thiện, vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính**

**1.1. Kết quả tổ chức, quán triệt, phổ biến các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, cấp ủy cấp trên về sắp xếp tinh gọn bộ máy, vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến tại 05 hội nghị Báo cáo viên bằng hình thức trực tiếp

<sup>1</sup> Cấp tỉnh 6.786; cấp xã 16.627; công chức 4.204; viên chức 19.209.

tại điểm cầu cấp tỉnh kết hợp trực tuyến đến cơ sở, với 7.920 lượt cán bộ, đảng viên tham gia<sup>2</sup>; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở kịp thời tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, cấp uỷ cấp trên về sắp xếp tinh gọn bộ máy, vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh<sup>3</sup>. Chỉ đạo hệ thống tuyên giáo trong tỉnh tham mưu các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt một cách nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, bảo đảm đúng đối tượng.

## ***1.2. Công tác tuyên truyền bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp***

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị tuyên truyền về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính<sup>4</sup>. Tổ chức 08 hội nghị giao ban báo chí chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí của tỉnh, cơ quan báo

<sup>2</sup> (1) Hội nghị Báo cáo viên tháng 4, ngày 25/3/2025: nội dung chuyên đề: “Quán triệt Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 128-KL/TW của Bộ Chính trị, ngày 07/3/2025 về chủ trương công tác cán bộ... Với 04 điểm cầu cấp tỉnh, 09 điểm cầu cấp huyện, 49 điểm cầu cấp xã với tổng số 2.054 đại biểu tham dự. (2) Hội nghị báo cáo viên tháng 5, Ngày 20/5/2025; Chuyên đề quán triệt Kết luận số 150-KL/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp uỷ cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới, với 9 điểm cầu cấp tỉnh, 9 điểm cầu cấp huyện, 65 điểm cầu cấp xã với tổng số 2.952 đại biểu tham dự. (3) Hội nghị Báo cáo viên Trung ương trực tuyến, ngày 15/8/2025; Lãnh đạo Bộ Nội vụ thông tin chuyên đề “Kết quả bước đầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp; những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới”; với 01 điểm cầu cấp tỉnh, 41 điểm cầu cấp xã với tổng số 957 đại biểu. (4) Hội nghị Báo cáo viên tháng 9, ngày 30/9/2025: chuyên đề “Quán triệt và triển khai Kết luận số 183-KL/TW, ngày 01/8/2025 của Bộ chính trị về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tình hình, kết quả thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; một số kết quả tổ chức Đại hội đảng bộ các xã, phường trên địa bàn tỉnh”, 01 điểm cầu cấp tỉnh, 03 điểm cầu các sở, ngành, 45 điểm cầu cấp xã với tổng số 1.017 đại biểu tham dự. (5) Hội nghị Báo cáo viên tháng 11, ngày 25/11/2025: Chuyên đề quán triệt, triển khai Kết luận số 192-KL/TW, ngày 19/9/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp” và chuyên đề “Quán triệt, triển khai Kết luận số 202-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; với 42 điểm cầu với 940 đại biểu tham dự.

<sup>3</sup> Hướng dẫn số 17-HD/BTGDV, ngày 6/6/2025 về quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 157-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính; Hướng dẫn số 34-HD/BTGDVTU, ngày 01/8/2025 về Kết luận số 178-KL/TW, ngày 17/7/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo đảm tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính; Hướng dẫn số 34-HD/BTGDVTU, ngày 01/8/2025 về Kết luận số 179-KL/TW, ngày 25/7/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính; Hướng dẫn số 35-HD/BTGDVTU, ngày 08/8/2025 về Kết luận số 174-KL/TW, ngày 04/7/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số nhiệm vụ tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả; Kết luận 177-KL/TW, ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả; Quyết định số 363-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 ban hành Quy chế làm việc mẫu của chi bộ các cơ quan đảng, chi bộ ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu,...

<sup>4</sup> Công văn số 290-CV/BTGDVTU, ngày 23/6/2025 về tuyên truyền một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính; Công văn số 296-CV/BTGDVTU, ngày 24/6/2025 về tuyên truyền Lễ công bố thành lập và đi vào hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 302-CV/BTGDVTU và Công văn số 303-CV/BTGDVTU, ngày 27/6/2025 về tuyên truyền, thẩm định maket phục vụ Lễ công bố nghị quyết, quyết định của Trung ương, của tỉnh đối với các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

chí Trung ương thường trú trên địa bàn tăng cường tuyên truyền về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp<sup>5</sup>.

Nội dung tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính các cấp, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp. Nêu bật tính cấp thiết của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp nhằm tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, giảm tầng nấc trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Phân cấp, phân quyền theo tinh thần “*địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, từ đó tăng cường tính tự chủ và trách nhiệm của chính quyền địa phương; phân bổ kết hợp các nguồn lực kinh tế, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội, đất nước. Tinh giản biên chế, tiết kiệm chi hành chính, tăng chi cho đầu tư phát triển, an sinh xã hội. Tuyên truyền rõ hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) là mô hình bộ máy mới hoạt động tinh gọn, chuyên nghiệp, số hóa và gần dân, sát dân. Việc xây dựng văn kiện chuẩn bị đại hội đảng bộ cấp tỉnh và cấp ủy trực thuộc ở những đơn vị, địa phương sáp nhập, hợp nhất. Gắn với tuyên truyền về đại hội đảng các cấp và 04 Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 59-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW. Chú trọng biểu dương những tổ chức, cá nhân có sáng kiến, giải pháp quyết liệt để vượt qua thách thức, rào cản, thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiệu quả, đúng tiến độ.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, biên soạn các tài liệu tuyên truyền<sup>6</sup>. Các hình thức tuyên truyền về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên, liên tục, phát huy vai trò của các cơ quan báo chí; ứng dụng hiệu quả các phương thức truyền thông mới; bảo đảm định hướng tư tưởng, dư luận xã hội; đề cao tính thuyết phục; chất lượng, hiệu quả, tạo sức lan tỏa trong Đảng và

<sup>5</sup> Báo cáo số 158-BC/BTGDVTU, ngày 08/10/2025 về công tác báo chí tháng 9, định hướng tuyên truyền tháng 10 năm 2025; Báo cáo số 20-BC/BTGDVTU, ngày 31/10/2025 về công tác báo chí tháng 10, định hướng tuyên truyền tháng 11 năm 2025; Báo cáo số 48-BC/BTGDVTU, ngày 25/11/2025 về công tác báo chí tháng 11, định hướng tuyên truyền tháng 12 năm 2025; Công văn số 62-BC/BTGDVTU, ngày 15/12/2025 về dự hội nghị giao ban báo chí tháng 12 năm 2025, định hướng tuyên truyền tháng 01 và tháng 02 năm 2026; Báo cáo số 64-BC/BTGDVTU, ngày 18/12/2025 về công tác báo chí tháng 12, định hướng tuyên truyền tháng 01 và tháng 02 năm 2026; Công văn số 427-CV/BTGDVTU, ngày 24/02/2026 về việc mời dự Hội báo tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Công văn số 202-BC/BTGDVTU, ngày 07/5/2026 của về công tác báo chí tháng 4, định hướng tuyên truyền tháng 5 năm 2026...

<sup>6</sup> (1) Biên soạn cuốn Sách Công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên năm 2026 trong đó tại Phần thứ hai: có nội dung tuyên truyền về: Kết quả cuộc cách mạng sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương hai cấp của tỉnh; những vấn đề đặt ra trong thời gian tới. Cuốn sách được phát hành với số lượng 3.800 cuốn tới các đảng bộ trực thuộc tỉnh, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, góp phần thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên giáo và dân vận, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội (chỉ tiết tại Phụ lục); (2) Biên soạn và phát hành 02 tài liệu thông tin chuyên đề tháng 12/2025 và tháng 11/2025 với số lượng phát hành 80 bản/tháng. Nội dung chuyên sâu về: Một số nội dung về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

trong xã hội:

Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên mở chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng, đẩy mạnh tuyên truyền trên các ấn phẩm và nền tảng số của Báo: Trên kênh sóng phát thanh, truyền hình: Sản xuất 1.250 tin, bài, phóng sự, ghi nhanh, phần lớn các tin, bài, chuyên mục đều được biên dịch ra tiếng Thái, tiếng Mông để phát sóng tuyên truyền. Trên Báo in Điện Biên Phủ: Đăng tải 2.740 tin, bài, chùm ảnh trên báo Thời sự, Cuối tuần, Vùng cao; Trên Báo điện tử Điện Biên Phủ: Đăng trên 1.800 lượt tin, bài, ảnh, infographic, Emagazine, video; Trên trang thông tin điện tử dienbientv.vn: Xuất bản 880 tin, bài, ảnh. Lượng truy cập 360 nghìn lượt (trung bình 12 nghìn lượt/ngày); Trên trang Fanpage Phát thanh và Truyền hình Điện Biên: Chia sẻ lên 805 tin, bài, clip. Hiện có hơn 165 nghìn người theo dõi; Trên trang Fanpage Báo Điện Biên Phủ điện tử: Chia sẻ lên 805 tin, bài, ảnh. Hiện có hơn 18 nghìn người theo dõi; Trên kênh Youtube Đài Truyền hình Điện Biên: Upload 650 video lên kênh, có hơn 324 nghìn người đăng ký theo dõi; Trên kênh Youtube Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên: Upload 50 bản tin, có hơn 200 người đăng ký theo dõi; Trên kênh TikTok: Upload 350 video lên kênh, có hơn 30 nghìn lượt người đăng ký theo dõi, 335 nghìn lượt tương tác<sup>7</sup>.

Các đảng ủy trực thuộc tỉnh chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc lồng ghép tuyên truyền công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong các hội nghị quán triệt, học tập nghị quyết, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, họp cơ quan, đơn vị và các cuộc họp khu dân cư. Tổ chức trên 1.800 hội nghị quán triệt, sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan và khu dân cư với hơn 145.000 lượt cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia; Đăng tải trên 2100 tin, bài trên mạng xã hội (zalo, Facebook); trên 1500 tin, bài trên hệ thống phát thanh của địa phương; tổ chức căng treo trên 3800 băng zôn, khẩu hiệu, pa nô, áp phích tuyên truyền tại trung tâm các xã, phường, khu dân cư, trực đường chính. Phát huy vai trò đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền, định hướng thông tin về cuộc cách mạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Chủ động nắm chắc, dự báo diễn biến tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là địa bàn phức tạp, những người bị ảnh hưởng từ sắp xếp, sáp nhập, từ đó có giải pháp để tháo gỡ vướng mắc, thông tin, tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

### **1.3. Công tác dư luận**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 233-KH/TU, ngày 18/6/2025 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW, ngày 23/5/2025 của Ban Bí thư

<sup>7</sup> Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã in căng treo, dựng 131 băng zôn, pano, cờ chuỗi; 04 buổi xe tuyên truyền cổ động mặt đường; 21 lượt tuyên truyền trên Loa phát thanh tại Rạp chiếu phim; cử Đội TTLĐ tham gia tuyên truyền biểu diễn 17 buổi phục vụ tại cơ sở; lồng ghép tuyên truyền trên 70 buổi chiếu phim vùng cao; tổ chức tuyên truyền giới thiệu các xuất bản phẩm về chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước tại các hiệu sách.

về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dư luận xã hội trong tình hình mới. Chỉ đạo kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo và định hướng dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh trong sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp<sup>8</sup>; nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận xã hội về triển khai thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư khóa XIII về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 128-KL/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ; Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp<sup>9</sup>.

Tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân: Nhìn chung, đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân đồng tình, ủng hộ chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đánh giá đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ bản giữ vững bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm sự phân công, điều động, bố trí công tác của tổ chức; nhiều đồng chí thể hiện tinh thần nêu gương, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới, góp phần tạo sự ổn định trong quá trình vận hành mô hình tổ chức mới. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn một số tâm tư, băn khoăn như: Việc thay đổi vị trí việc làm, chế độ, chính sách, điều kiện sinh hoạt và môi trường công tác mới; một số người dân băn khoăn về địa giới hành chính, thủ tục hành chính, việc đi lại và khả năng tiếp cận các dịch vụ công, tuy nhiên, các vấn đề phát sinh đều được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm nắm bắt, tuyên truyền, giải thích và xử lý kịp thời; tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, không phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp.

#### ***1.4. Công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính chính quyền địa phương 2 cấp***

Sau khi thực hiện việc hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ công tác chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh nhằm nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tạo

<sup>8</sup> Công văn Số 28-CV/BTGDVTU, ngày 04/3/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về việc định hướng, nắm bắt tâm trạng, tình hình tư tưởng và dư luận xã hội về thực hiện Kết luận số 127-KL/TW

<sup>9</sup> Báo cáo số 28-BC/BTGDVTU, ngày 04/3/2025 về tình hình tư tưởng, dư luận xã hội tháng 02, định hướng dư luận xã hội tháng 3/2025; Báo cáo số 06-BC/BTGDVTU, ngày 06/3/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về tình hình tư tưởng, dư luận xã hội tháng 3, định hướng dư luận xã hội tháng 4/2025; Báo cáo số 23-BC/BTGDVTU, ngày 31/3/2025 về tình hình tư tưởng, dư luận xã hội tháng 4, định hướng dư luận xã hội tháng 5/2025.

sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn hệ thống chính trị.

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân; kịp thời định hướng dư luận, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được gắn với việc phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên sau sắp xếp. Đội ngũ cán bộ cơ bản yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân công, điều động của tổ chức, từng bước thích nghi với mô hình tổ chức mới, bảo đảm hoạt động của cơ quan, đơn vị thông suốt, không gián đoạn.

Bên cạnh đó, các địa phương chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc để cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Qua đó góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

*(Có phụ lục số 1B kèm theo)*

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện**

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương chỉ đạo tổ chức vận hành ổn định, hiệu quả ngay từ những ngày đầu; kịp thời tổ chức các hội nghị quán triệt, cho ý kiến, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, bảo đảm tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau vận hành chính quyền địa phương 2 cấp đồng bộ, thông suốt theo quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện các nghị quyết, kết luận và văn bản chỉ đạo của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời ban hành 118 văn bản; HĐND, UBND tỉnh ban hành 270 văn bản; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ban hành 10 văn bản triển khai thực hiện (*chi tiết Phụ lục 2B thống kê thống kê các văn bản liên quan đến vận hành hệ thống chính trị, chính quyền địa phương 2 cấp*), thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương nắm chắc tình hình, đôn đốc thực hiện nghiêm các văn bản về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp; triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương; rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong các lĩnh vực và thực hiện các nội dung liên quan (về phân cấp, phân quyền, bố trí

sắp xếp cán bộ, công chức, đào tạo, bồi dưỡng, đơn giản hóa thủ tục hành chính...); các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tập trung giải quyết công việc quyết liệt, sâu sát theo lĩnh vực được phân công, bảo đảm tiến độ, chất lượng, đúng quy định; xử lý toàn diện các vấn đề phát sinh, không để gián đoạn quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chủ động, tập trung nắm chắc tình hình địa phương, đơn vị, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh, không để xảy ra các vụ việc bất ổn trên địa bàn.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập 15 tổ công tác<sup>10</sup> trực tiếp xuống địa bàn, làm việc, hướng dẫn, tư vấn giúp các xã về chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm đúng quy định. Thường trực Tỉnh ủy đã trực tiếp làm việc với các địa phương trong tỉnh bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, nắm bắt tình hình, trực tiếp giao các cấp ủy, sở, ngành liên quan tiếp thu, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của địa phương, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy kết quả.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo<sup>11</sup> thành lập các “nhóm đầu mối hỗ trợ chuyên môn” để tiếp nhận, hướng dẫn, hỗ trợ và giải đáp, tháo gỡ trực tiếp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại 45 xã, phường. Phân công cán bộ, công chức có năng lực, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ tham gia nhóm hỗ trợ; công khai thông tin liên hệ (*số điện thoại, nhóm Zalo, đầu mối phụ trách*) để cấp ủy, chính quyền địa phương và các phòng, ban ở cơ sở biết để chủ động trao đổi khi cần thiết. Đồng thời, tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; bảo đảm các kiến nghị, phản ánh, đề xuất của cấp xã được tiếp nhận, xử lý và phản hồi kịp thời, rõ ràng, giúp các địa phương chủ động, thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo quán triệt, triển khai các chủ trương, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy các cấp, cán bộ, đảng viên gắn với tổ chức thực hiện các quy định, kết luận mới của Trung ương; chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, kiện toàn, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp<sup>12</sup>; tập trung rà soát, thẩm định, thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự phục vụ công tác sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, nhân sự đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030 và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031<sup>13</sup>; giao UBKT

<sup>10</sup> Thành lập 15 tổ công tác do các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm tổ trưởng.

<sup>11</sup> Văn bản số 708-CV/TU, ngày 16/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thiết lập nhóm đầu mối hỗ trợ chuyên môn cho cơ sở.

<sup>12</sup> Công văn số 2318-CV/TU, ngày 20/03/2025 về triển khai thực hiện Công văn số 43-CV/BCĐ, ngày 20/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương về kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Công văn số 2378-CV/TU, ngày 15/04/2025 về triển khai Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025 hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; Công văn số 2382-CV/TU, ngày 15/04/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18 thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp;...

<sup>13</sup> Kế hoạch số 158-KH/TU, ngày 18/7/2024 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 219-KH/TU, ngày 09/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày

Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình, kết quả việc triển khai nhiệm vụ, nội dung theo các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm hoạt động hiệu quả, thông suốt<sup>14</sup>.

(có phụ lục 1B kèm theo)

### III- KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

#### 1. Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị của địa phương

##### 1.1. Về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thực hiện kết thúc hoạt động của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh<sup>15</sup>, 11 đảng bộ trực thuộc, 06 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng cấp tỉnh, 129 đảng bộ cấp xã (cũ) và thành lập mới 02 đảng bộ (Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh), 45 đảng bộ cấp xã mới trực thuộc Đảng bộ tỉnh, hợp nhất Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, hợp nhất Báo Điện Biên Phủ và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thành Báo, phát thanh và truyền hình Điện Biên; tổ chức lại, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Sau khi thực hiện Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của tỉnh, tổ chức bộ máy các cơ quan cấp tỉnh của Đảng bộ tỉnh Điện Biên được tinh gọn hơn, cụ thể như sau:

Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các đơn vị sự nghiệp của Đảng: Sau sắp xếp tinh gọn bộ máy giảm 02 ban cấp tỉnh; giảm 17 đơn vị cấp phòng<sup>16</sup>.

Đảng bộ cấp xã sau khi thành lập tổ chức hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành để cho ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền, như: Việc tổ chức kỳ họp HĐND cấp xã lần thứ nhất; thành lập cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy và Trung tâm Chính trị (đối với 10 xã trung tâm); thành lập 02 tổ chức cơ sở đảng (Đảng ủy các cơ quan Đảng, Đảng ủy UBND xã, phường) trực thuộc Đảng ủy xã, phường; thành lập Chi bộ cơ sở (hoặc Đảng bộ cơ sở) Công an, Quân sự, Trạm Y tế xã, phường trên cơ sở hợp nhất các Chi bộ Công an, Quân sự, Trạm Y tế xã, phường (cũ), trực thuộc Đảng ủy xã, phường (mới).

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao

14/4/2025 của Bộ Chính trị về về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (thay thế Chi thị số 35-CT/TW).

<sup>14</sup> Công văn số 2699-CV/TU, ngày 05/8/2025 về triển khai Kết luận số 183-KL/TW, ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

<sup>15</sup> Quyết định số 6001-QĐ/TU, ngày 12/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kết thúc hoạt động của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Điện Biên.

<sup>16</sup> Các cơ quan Đảng giảm 01 ban cấp tỉnh, 02 phòng và tương đương; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh giảm 09 phòng, ban và tương đương; đơn vị sự nghiệp của Đảng giảm 01 đơn vị cấp tỉnh, giảm 06 đơn vị cấp phòng.

nhiệm vụ đang hoạt động ở cấp tỉnh, kết quả sau sắp xếp còn 11 hội (giảm 02 hội cấp tỉnh, trong đó đưa Hội Đông y ra khỏi danh sách các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và tiếp tục hoạt động theo hình thức hội quần chúng; hợp nhất Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh với Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh thành Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin và Bảo trợ người khuyết tật tỉnh), giảm đầu mỗi cấp phòng xuống 05 (giảm 6 phòng, tương đương 54,5%).

## ***1.2. Kết quả tổ chức, kiện toàn HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã***

### ***a) Về sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh***

Thực hiện định hướng của Trung ương<sup>17</sup> về tinh gọn tổ chức bộ máy, trên cơ sở chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 224/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025 về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; sau sắp xếp, số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh giảm từ 19 cơ quan xuống 14 cơ quan, giảm 05 cơ quan (đạt tỷ lệ 26,3%).

Cùng với việc giảm đầu mỗi, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tinh gọn tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn, bảo đảm phù hợp với định hướng của Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương. Sau sắp xếp, toàn tỉnh còn 75 phòng, 09 chi cục và tương đương, 35 phòng và tương đương thuộc chi cục, 92 đơn vị sự nghiệp công lập; so với trước khi sắp xếp đã giảm 42 phòng (35,9%), 01 chi cục (10%) và 06 đơn vị sự nghiệp công lập (6,12%). Đồng thời, thực hiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự của Thanh tra tỉnh trên cơ sở kết thúc hoạt động của Thanh tra cấp huyện, Thanh tra sở để tổ chức lại thành các tổ chức thuộc Thanh tra tỉnh nhằm giảm đầu mỗi, tinh giản biên chế làm công tác thanh tra trong toàn tỉnh.

Sau khi sắp xếp, 100% cơ quan chuyên môn đã được UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành.

### ***b) Sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã***

Đồng thời với việc xây dựng phương án về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; căn cứ các văn bản định hướng, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Chính phủ<sup>18</sup> từng thời điểm và tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh chủ động xây dựng, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy các phương án thành lập tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã mới; các phương án được điều chỉnh theo từng giai đoạn để phù hợp với định hướng của Ban

<sup>17</sup> Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

<sup>18</sup> Công văn số 03/CV-BCĐ, ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ; Công văn số 09/CV-BCĐ, ngày 30/5/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ.

Chỉ đạo Chính phủ và kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025, UBND các xã, phường đã trình HĐND cùng cấp tại kỳ họp thứ nhất ban hành Nghị quyết thành lập 180 cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND (gồm Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế ở xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị ở phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công) tại 45/45 xã, phường. Việc thành lập các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính phù hợp với Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm tinh, gọn, không chồng chéo, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Sau khi thành lập, 100% cơ quan chuyên môn được UBND cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Đến nay, thực hiện Nghị định số 370/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh đã xây dựng, báo cáo, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương thành lập thêm 05 phòng chuyên môn tại 05 xã, phường<sup>19</sup>.

*c) Thành lập các cơ quan thuộc HĐND cấp xã*

Sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chính quyền cấp xã được tổ chức gồm HĐND và UBND; tại kỳ họp thứ nhất HĐND 45/45 xã, phường thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương. Đến nay, tổ chức bộ máy, nhân sự các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được sắp xếp, bố trí bảo đảm theo quy định.

*d) Về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập*

Trên cơ sở định hướng của Ban Chỉ đạo Chính phủ và tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn xây dựng các phương án về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh để thành lập các đơn vị sự nghiệp cấp xã phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm không làm ảnh hưởng, gián đoạn việc cung ứng các dịch vụ công trong thời gian sắp xếp; quá trình xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh luôn bám sát các văn bản chỉ đạo để cập nhật, điều chỉnh mô hình cho phù hợp.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên; Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo, UBND tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và ban hành các quyết định sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập để phục vụ cho mô

<sup>19</sup> Gồm các phường: Điện Biên Phủ, Mường Thanh; các xã: Thanh Nưa, Tuần Giáo, Mường Nhé; các xã, phường còn lại trước mắt duy trì 04 phòng chuyên môn nhằm bảo đảm không tăng về số lượng lãnh đạo quản lý, ưu tiên biên chế bố trí cho công chức chuyên môn

hình chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó<sup>20</sup>: thành lập đồng bộ 45/45 trung tâm Dịch vụ tổng hợp là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã (trên cơ sở tổ chức lại các Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện); tổ chức lại các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của cấp huyện thành 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực; thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức lại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; chuyển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông từ cấp huyện cũ về cấp xã; sắp xếp các cơ sở y tế; thành lập các Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực thuộc UBND tỉnh.

Trên cơ sở cập nhật, điều chỉnh theo định hướng của Trung ương, UBND tỉnh đã thực hiện kết thúc hoạt động của 05 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức lại các Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã; sắp xếp 08 ban quản lý dự án, trong đó kết thúc hoạt động 05 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực thuộc UBND tỉnh, để thành lập 03 Ban Quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc UBND tỉnh và thành lập 08 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thuộc UBND 08 xã, phường; tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư; tổ chức Ban Quản lý cửa khẩu tỉnh trực thuộc UBND tỉnh. Chỉ đạo, triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở ngành; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Giáo dục, Y tế theo chỉ đạo tại Công văn số 59-CV/BCĐ, ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21/09/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước; Nghị quyết số 105/NQ-CP, ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025 của Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Kế hoạch số 252-KH/TU, ngày 03/10/2025 của Tỉnh ủy về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

### **1.3. Về công tác nhân sự**

<sup>20</sup> Quyết định số 1263/QĐ-UBND, ngày 24/6/2025 về việc thành lập 04 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trên cơ sở Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh và 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện); (2) Quyết định số 1301/QĐ-UBND, ngày 25/6/2025 về việc thành lập các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (trên cơ sở các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện và Trung tâm Dịch vụ kinh tế tổng hợp thành phố Điện Biên Phủ); (3) Quyết định số 1302/QĐ-UBND, ngày 25/6/2025 về việc sắp xếp, tổ chức lại các Trung tâm Y tế cấp huyện và các Trạm y tế cấp xã thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên; (4) Quyết định số 1307/QĐ-UBND, ngày 25/6/2025 về việc tổ chức lại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, thị xã, thành phố thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; (5) Quyết định số 1318/QĐ-UBND, ngày 25/6/2025 về việc chuyển các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện về thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp quản lý; chỉ đạo UBND cấp xã thành lập 45 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã (trên cơ sở tổ chức lại các Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện).

*a) Kết quả bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức sau khi tổ chức lại bộ máy*

Ban Thường vụ quyết định chỉ định cấp ủy 45 xã, phường mới thành lập và cho chủ trương phương án nhân sự khối chính quyền Thường trực HĐND tỉnh ban hành 135 Nghị quyết chỉ định các chức danh chủ chốt HĐND, UBND<sup>21</sup> bảo đảm theo hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh.

Chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy và UBND tỉnh quyết định điều động một số cán bộ lãnh đạo từ các sở, ngành tỉnh, chuyển công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã (cũ) về cấp xã (mới) sau sắp xếp để bộ máy chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả từ ngày 01/7/2025, cụ thể: Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã điều động đối với 1.428 cán bộ, công chức, viên chức; Sở Nội vụ điều động đối với 2.038 cán bộ, công chức; chuyển công tác đối với 14.273 viên chức, người lao động về 45 đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

Đến thời điểm hiện nay, các xã, phường đã cơ bản bảo đảm số lượng cán bộ, công chức theo định mức tạm thời tại Hướng dẫn 05-HD/TU, ngày 20/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 09-CV/BCĐ, ngày 30/5/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ. Tổng số cán bộ, công chức: khối chính quyền các xã hiện có 1.593 người/1.535 biên chế định mức khung; khối Đảng có 1.247 người/1.193 biên chế định mức khung; số còn thừa theo định mức đang tiếp tục thực hiện tinh giản để đến năm 2030 bảo đảm theo định mức quy định.

Thực hiện bổ nhiệm Ban chỉ huy Quân sự xã: Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh chỉ huy, Trợ lý Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Chủ tịch UBND tỉnh đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã bổ nhiệm 89 chỉ huy, trợ lý Ban Chỉ huy quân sự xã; đến nay, thực hiện chủ trương xây dựng lực lượng quân sự xã chính quy, Bộ Quốc phòng đã tuyển dụng, tiếp nhận 88/89 công chức quân sự xã làm quân nhân chuyên nghiệp.

*b) Về tăng cường công chức, viên chức về địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp*

Để bảo đảm nhân sự cho các xã mới hoạt động, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo bố trí 100% biên chế cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã cũ về xã mới. Sau khi các xã mới đi vào hoạt động đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tạm giao biên chế để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để sắp xếp, bố trí điều động cán bộ, công chức, viên chức theo chuyên môn, nghiệp vụ nhằm bảo đảm nhân sự cho các xã hoạt động.

Chỉ đạo cơ quan tham mưu, giúp việc, cơ quan chuyên môn trực tiếp làm việc

<sup>21</sup> Cụ thể: 45 Chủ tịch HĐND, 45 Phó Chủ tịch HĐND và 88 Trưởng các Ban Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội; 45 Chủ tịch UBND, 89 Phó Chủ tịch UBND và chỉ định 2.667 nhân sự đại biểu HĐND tại 45 đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp. Cho ý kiến đối với 86 nhân sự các chức danh Phó Trưởng ban của HĐND cấp xã mới, nhiệm kỳ 2021-2026.

với Đảng ủy, UBND các xã, phường nhằm rà soát nhân lực thuộc các lĩnh vực chuyên môn, trên cơ sở đó Ban Tổ chức Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thực hiện biệt phái, tăng cường 124 công chức, viên chức từ các sở, ngành tỉnh về các xã, phường; trong đó: Biệt phái 52 công chức, viên chức từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giao Sở Y tế chỉ đạo, tăng cường viên chức lãnh đạo, quản lý ở 45 trạm Y tế giúp UBND các xã quản lý nhà nước về Y tế trên địa bàn; chỉ đạo UBND các xã, phường biệt phái 17 viên chức thuộc các trường học trực thuộc làm việc ở vị trí việc làm công chức thuộc UBND cấp xã. Chỉ đạo UBND tỉnh, các sở, ngành chủ động bố trí tăng cường công chức, viên chức hướng dẫn, hỗ trợ các xã, phường về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cấp xã. Để tăng cường nhân lực hỗ trợ các xã trong công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, UBND tỉnh tiếp tục biệt phái 27 công chức, viên chức hỗ trợ nghiệp vụ cho các xã, phường.

Thực hiện Thông báo số 21-TB/VPTW, ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; tỉnh đã thực hiện điều động 28 cán bộ, công chức đến nhận nhiệm vụ tại Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã; điều động 41 công chức đến nhận nhiệm vụ tại UBND các xã (*trong đó có 13 đồng chí được điều động vào vị trí việc làm theo đúng chuyên môn còn thiếu*). Đồng thời Đảng ủy, UBND các xã thực hiện điều động trong nội bộ xã từ khối Chính quyền sang khối Đảng và ngược lại với tổng số 36 công chức. Hiện nay, cơ bản các xã (41/45 xã) bảo đảm số lượng, nhân lực theo định mức hiện hành.

*c) Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ công tác theo quy định*

Thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, tỉnh Điện Biên đã ban hành các quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc) và chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (*bao gồm Khối chính quyền 929 người và khối Đảng, đoàn thể 168 người*), tổng là 1.097 người. Việc sắp xếp, bố trí, sử dụng hoặc giải quyết cho nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Thực hiện các quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về tinh giản biên chế và hướng dẫn tại Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về một số nội dung đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, UBND tỉnh đã giải quyết chính sách nghỉ tinh giản biên chế đối với 1.305 trường hợp.

Quá trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh chỉ đạo quyết liệt, khách quan, đúng đối tượng, đúng chính sách; sau khi tỉnh ban hành các quyết định, đến nay các cơ quan, đơn vị địa phương đã hoàn thành việc chi trả chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm theo thời gian quy định, không để xảy ra tiêu cực, khiếu kiện liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách.

Thực hiện Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Chính phủ về nâng

cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch luân chuyển, điều động, tăng cường công chức, viên chức cấp tỉnh hỗ trợ cấp xã thực hiện nhiệm vụ, trong đó tập trung ở các vị trí lĩnh vực chuyên môn cấp xã còn thiếu, đồng thời giải quyết triệt để việc dôi dư lãnh đạo cấp phó tại các sở, ngành tỉnh.

*d) Về quản lý, sử dụng biên chế, vị trí việc làm*

Năm 2026, đã tạm giao 5.509 biên chế cán bộ, công chức, trong đó cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận cấp tỉnh, cấp xã được giao 1.723 biên chế (cấp tỉnh 313 biên chế và cấp xã 1.410 biên chế); khối chính quyền cấp tỉnh, cấp xã tạm giao 3.786 biên chế cán bộ, công chức (cấp tỉnh 1.199 biên chế và cấp xã 2.587 biên chế); giao 19.857 người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Điện Biên, trong đó cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận cấp tỉnh, cấp xã được giao 203, khối chính quyền được giao 19.654 người làm việc. Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng đúng số lượng biên chế được giao, không có tình trạng sử dụng vượt biên chế giao.

*\* Về vị trí việc làm*

*Khối các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các quyết định về danh mục vị trí việc làm: (1) Danh mục vị trí việc làm công chức các cơ quan đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã<sup>22</sup>; (2) Danh mục vị trí việc làm viên chức của Báo và phát thanh, truyền hình Điện biên, Trường Chính trị tỉnh<sup>23</sup>; (3) Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp<sup>24</sup>. Tổng số vị trí việc làm 312 (trong đó, số vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý 104; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung 204; vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ 04). Ban hành 14 quyết định về bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã và Đảng ủy cấp trên cơ sở<sup>25</sup>.

<sup>22</sup> Các Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Số 614-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 615-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 617-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 618-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 619-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 620-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 621-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 622-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 623-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 624-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 626-QĐ/TU ngày 30/01/2026;

<sup>23</sup> Các Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Số 625-QĐ/TU ngày 30/01/2026; số 627-QĐ/TU ngày 30/01/2026

<sup>24</sup> Quyết định số 628-QĐ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

<sup>25</sup> Quyết định số 728-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức ngành Tổ chức xây dựng Đảng; Quyết định số 722-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức ngành Nội chính của Đảng; Quyết định số 731-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức Văn phòng cấp ủy; Quyết định số 732-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức ngành Tuyên giáo và Dân vận của Đảng; Quyết định số 730-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức ngành Kiểm tra Đảng; Quyết định số 729-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Quyết định số 725-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm cán bộ, công chức của tổ chức Hội Cựu chiến binh; Quyết định số 733-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công

*Khởi Chính quyền:* Thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức; Công văn số 1086/BNV-CCVC, ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP; Công văn số 533-CV/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí đối với cán bộ cấp xã, trong đó hướng dẫn về danh mục văn bản chỉ đạo của Trung ương về tiêu chuẩn, tiêu chí, vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1836/KH-UBND, ngày 15/3/2026 về việc triển khai xây dựng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ, theo đó đã đề ra lộ trình hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính trước ngày 30/6/2026.

*(Chi tiết tại Phụ lục 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B kèm theo)*

## **2. Về đơn vị hành chính cấp xã, tổ chức bộ máy, biên chế hiện nay ở cấp tỉnh, cấp xã**

### **2.1. Số lượng, phân loại của các đơn vị hành chính cấp xã**

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Điện Biên đã sắp xếp, tổ chức lại cấp xã từ 129 xã, phường, thị trấn để thành lập 45 xã, phường (42 xã, 03 phường).

Thực hiện Nghị định số 307/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính; tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch<sup>26</sup> triển khai thực hiện việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã, trong đó chỉ đạo UBND các xã, phường rà soát, đánh giá các tiêu chí về phân loại đơn vị hành chính xã, phường trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bảo đảm theo quy định. Ngày 14/5/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định<sup>27</sup> việc phân loại đơn vị hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên, theo đó, tỉnh Điện Biên có 45/45 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: Có 23 xã, phường loại I và 22 xã loại II.

Qua rà soát, đánh giá phân loại đơn vị hành chính cấp xã cho thấy trên địa bàn tỉnh còn có sự chênh lệch về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, tốc độ đô thị hóa và trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Một số xã có diện tích tự nhiên lớn, địa hình rộng, chia cắt, phức tạp như xã Sín Thầu (517,77 km<sup>2</sup>), xã Mường Nhà (463,77 km<sup>2</sup>); trong

---

chức của tổ chức Công đoàn Việt Nam; Quyết định số 727-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Quyết định số 726-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức của tổ chức Hội Nông dân; Quyết định số 734-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm công chức của tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Quyết định số 723-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm viên chức của Trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị ở xã, phường; Quyết định số 724-QĐ/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm viên chức cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên.

<sup>26</sup> Kế hoạch số 1364/KH-UBND 26/02/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phân loại đơn vị hành chính tỉnh, phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

<sup>27</sup> Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

khi một số xã có diện tích nhỏ hơn như xã Thanh An (57,43 km<sup>2</sup>); xã Mường Ảng (85,94 km<sup>2</sup>); một số xã, phường có dân số đông, giữ vai trò trung tâm phát triển kinh tế - xã hội, thương mại, dịch vụ như phường Điện Biên Phủ (46.573 người), phường Mường Thanh (24.634 người), xã Thanh Nưa (29.034 người), xã Tuần Giáo (24.450 người); một số xã vùng sâu, vùng xa, biên giới như xã Sín Thầu (6.228 người), xã Nậm Kè (9.180 người) có dân số thấp, dân cư phân tán, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao. Tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương chưa đồng đều, các phường và một số xã trung tâm của khu vực có cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao hơn, cơ sở hạ tầng, chuyển đổi số và dịch vụ công thuận lợi hơn; trong khi đó nhiều xã vùng sâu, vùng xa, biên giới vẫn có tỷ lệ hộ nghèo cao, cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lâm nghiệp, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp thấp, điều kiện phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nhiều xã trên địa bàn tỉnh có yếu tố đặc thù như có đường biên giới quốc gia, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao nên có sự khác biệt, chênh lệch giữa các địa phương.

## **2.2. Về tổ chức bộ máy, biên chế cấp tỉnh, cấp xã**

### **2.2.1. Mô hình tổ chức, biên chế Khối Đảng**

#### **a) Mô hình tổ chức, biên chế Khối Đảng cấp tỉnh**

Tỉnh ủy hiện nay có 5 cơ quan, tham mưu giúp việc; 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc; 02 đảng bộ cấp tỉnh trực thuộc Tỉnh ủy, tổ chức bộ máy và biên chế cụ thể như sau:

(1) Văn phòng Tỉnh ủy, được giao 45 biên chế, hiện nay có 39 cán bộ, công chức, viên chức.

(2) Ban Tổ chức Tỉnh ủy, được giao tổng 29 biên chế, hiện nay có 26 cán bộ, công chức.

(3) Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, được giao 37 biên chế, hiện nay có 36 cán bộ, công chức.

(4) Ban Nội chính Tỉnh ủy, được giao tổng 22 biên chế, hiện nay có 19 cán bộ, công chức.

(5) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, được giao 26 biên chế, hiện nay có 23 cán bộ, công chức.

(6) Trường Chính trị tỉnh, được giao tổng 41 biên chế viên chức, hiện nay có 40 viên chức.

(7) Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên, được giao 133 biên chế viên chức, hiện nay có 123 viên chức.

(8) Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, được giao 11 biên chế, hiện nay có 11 cán bộ, công chức.

(9) Đảng ủy UBND tỉnh, được giao 14 biên chế, hiện có 13 cán bộ, công chức.

b) Mô hình tổ chức, biên chế khối Đảng cấp xã

Đảng ủy cấp xã có 3 cơ quan tham mưu, giúp việc; đối với 10 xã, phường có trụ sở trung tâm chính trị (cấp huyện cũ) được thành lập trung tâm chính trị cấp xã, tổ chức bộ máy và biên chế được bố trí trung bình cụ thể như sau:

- (1) Ban Xây dựng Đảng 5 biên chế;
- (2) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra 5 biên chế;
- (3) Văn phòng Đảng ủy 7 biên chế;
- (4) Trung tâm chính trị được bố trí tối đa 3 biên chế viên chức.

2.2.2. *Mô hình tổ chức, biên chế khối Hội đồng nhân dân*

a) Mô hình tổ chức, biên chế Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

HĐND tỉnh hiện nay có 05 cơ quan cụ thể như sau:

- (1) Ban Kinh tế,
- (2) Ban Văn hóa - Xã hội.
- (3) Ban Dân tộc.
- (4) Ban Pháp chế.
- (5) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Biên chế giao cho Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh năm 2026 là 39 biên chế, hiện có 34 cán bộ, công chức.

b) Mô hình tổ chức, biên chế Hội đồng nhân dân cấp xã

- HĐND cấp xã có 2 cơ quan cụ thể như sau:

- (1) Ban Kinh tế - Ngân sách.
- (2) Ban Văn hóa - Xã hội.

- Biên chế của HĐND cấp xã nằm trong tổng biên chế giao của Văn phòng HĐND và UBND xã.

2.2.3. *Mô hình tổ chức, biên chế khối Ủy ban nhân dân*

a) Mô hình tổ chức, biên chế Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND tỉnh hiện nay có 14 cơ quan chuyên môn; 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, tổ chức bộ máy và biên chế cụ thể như sau:

- Sở Ngoại vụ 23 biên chế công chức, hiện nay có 21 công chức.
- Sở Tư pháp 27 biên chế công chức, 32 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 27 công chức, 29 viên chức.
- Sở Dân tộc và Tôn giáo 28 biên chế; hiện nay có 28 công chức.
- Sở Khoa học và Công nghệ 46 biên chế công chức, 43 biên chế viên chức

hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 40 công chức, 40 viên chức.

- Sở Giáo dục và Đào tạo 49 biên chế công chức, 1.914 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hiện có 49 công chức, 1.725 viên chức.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 49 biên chế công chức, 268 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 43 công chức, 255 viên chức.

- Văn phòng UBND tỉnh 57 biên chế công chức, 25 biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện nay có 54 công chức, 20 viên chức.

- Sở Y tế 64 biên chế công chức, 2.463 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 56 công chức, 2.333 viên chức.

- Sở Nội vụ 81 biên chế công chức, 62 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 81 công chức, 62 viên chức.

- Thanh tra tỉnh 88 biên chế; hiện có 81 công chức.

- Sở Xây dựng 87 biên chế công chức, 16 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 68 công chức, 16 viên chức.

- Sở Công Thương 93 biên chế công chức; 22 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 83 công chức, 19 viên chức.

- Sở Tài chính 102 biên chế công chức; hiện có 91 công chức.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường 366 biên chế công chức, 284 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 329 công chức, 238 viên chức.

- Trường Cao đẳng Điện Biên 212 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 197 viên chức.

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Điện Biên 35 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; hiện có 33 viên chức.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh hiện có 54 viên chức.

- Ban Quản lý dự án các công trình Xây dựng dân dụng và Công nghiệp hiện có 58 viên chức.

- Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông hiện có 52 viên chức.

- Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện có 48 viên chức.

- Ban Quản lý cửa khẩu tỉnh (mới thành lập).

b) Mô hình tổ chức, biên chế Ủy ban nhân dân cấp cấp xã

UBND các xã, phường có 180 cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND<sup>28</sup> (gồm Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh

<sup>28</sup> UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 về quy định Khung số lượng, tên gọi các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên, theo

tế ở xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị ở phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công); 481 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gồm: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, đơn vị sự nghiệp giáo dục, lập 08 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp xã thuộc UBND 08 xã, phường<sup>29</sup> (phường: Điện Biên Phủ, Mường Thanh, Mường Lay; các xã: Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Na Sang, Mường Phăng, Mường Ảng). Biên chế cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã năm 2026 giao 2.587 biên chế (gồm 1.751 biên chế giao cấp xã thực hiện và 836 biên chế cấp xã tạm thời do tỉnh quản lý do chưa được Trung ương giao biên chế); giao 14.112 người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Số biên chế công chức, viên chức có mặt tại thời điểm tháng 5/2026 là 1.595/1.751 công chức và 13.746/14.112 viên chức.

Thực hiện Nghị định số 370/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Trước mắt tỉnh bố trí 05 phòng và tương đương đối với 05 xã, phường, gồm: Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh và 03 xã gồm: Mường Nhé, Tuần Giáo và Thanh Nưa (là các xã được bố trí 03 Phó Chủ tịch UBND, có quy mô dân số lớn (từ 15.000 người trở lên); diện tích lớn (phường từ 5,5km<sup>2</sup> trở lên; xã từ 100km<sup>2</sup> trở lên), có định mức biên chế định hướng theo Công văn số 09/CV-BCĐ từ 40 biên chế trở lên). Tên gọi cụ thể các phòng chuyên môn đối với xã được thành lập 5 phòng (gồm: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Phục vụ hành chính công; đối với phường (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Tài nguyên và Môi trường); đối với xã (Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Kinh tế).

2.2.4. Mô hình tổ chức, biên chế Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

a) Mô hình tổ chức, biên chế Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, gồm:

- (1) Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
- (2) Hội Nông dân tỉnh.
- (3) Hội Cựu chiến binh tỉnh.
- (4) Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.
- (5) Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh tỉnh.
- (6) Liên đoàn Lao động tỉnh.

Biên chế của Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh được giao cho cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh quản lý chung, năm 2026 tạm giao 137 biên chế, hiện có 116 cán bộ, công chức, viên chức.

đó có 05 xã, phường (Điện Biên Phủ, Mường Thanh, Thanh Nưa, Tuần Giáo, Mường Nhé) được thành lập 05 phòng (tăng thêm phòng Nông nghiệp và Môi trường).

<sup>29</sup> Phường: Điện Biên Phủ, Mường Thanh, Mường Lay; các xã: Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Na Sang, Mường Phăng, Mường Ảng.

b) Mô hình tổ chức, biên chế Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, gồm:

(1) Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã;

(2) Hội Nông dân xã;

(3) Hội Cựu chiến binh xã;

(4) Hội Liên hiệp phụ nữ xã;

(5) Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh xã;

(6) Công đoàn cấp xã (được tổ chức ở 3 phường, xã nơi có nhiều công đoàn viên và tổ chức công đoàn trực thuộc)

Biên chế khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được bố trí trung bình 09 cán bộ, công chức (*Lãnh đạo 06; kế toán 01; công chức chuyên môn 02*).

### **3. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền; giải quyết thủ tục hành chính**

#### ***3.1. Kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị sau khi vận hành mô hình 2 cấp***

Khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và các xã, phường tổ chức rà soát tổng thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền, từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tránh chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

Trên cơ sở rà soát, đã chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung phân cấp quản lý giữa cấp tỉnh và cấp xã theo hướng tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của cấp cơ sở, đồng thời bảo đảm sự kiểm tra, giám sát thống nhất của cấp tỉnh. Nội dung rà soát tập trung vào các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp như nội vụ, tài chính - ngân sách, đất đai, xây dựng, tư pháp, lao động - xã hội, giáo dục, y tế, nông nghiệp, tài nguyên môi trường và giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ đạo các sở, ngành thường xuyên rà soát, đánh giá tính khả thi của các nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành<sup>30</sup>; kịp thời phát hiện những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh phương thức thực hiện. Việc rà soát được thực hiện gắn với yêu cầu cải cách hành chính, tinh gọn quy trình xử lý công việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

<sup>(30)</sup> Công văn số 5156/UBND-NC ngày 26/9/2025 về việc tăng cường thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Định kỳ, các sở, ngành và địa phương thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) về tình hình triển khai, kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phân cấp, ủy quyền. Trên cơ sở tổng hợp, UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

Qua rà soát bước đầu cho thấy chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp chính quyền và cơ quan, đơn vị sau sắp xếp cơ bản được xác định rõ ràng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; mối quan hệ công tác giữa cấp tỉnh và cấp xã được duy trì thông suốt; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, một số lĩnh vực vẫn còn phát sinh khó khăn do quy định pháp luật chưa đồng bộ hoặc chưa kịp thời điều chỉnh theo mô hình mới, tỉnh đang tiếp tục kiến nghị Trung ương xem xét hoàn thiện để bảo đảm tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả.

### ***3.2. Việc xác định rõ nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã; nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền***

Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên được triển khai toàn diện, đồng bộ, bảo đảm đúng yêu cầu, nội dung theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; đồng thời bảo đảm đầy đủ, chính xác các văn bản có liên quan trực tiếp đến đối tượng, phạm vi rà soát.

Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện (trước khi sáp nhập) đã chủ động đề xuất phương án phù hợp để kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, qua đó bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện theo đúng yêu cầu. Đặc biệt, tỉnh chú trọng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn; đồng thời, đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp. Tổng số nhiệm vụ cấp xã được giao thực hiện 538 nhiệm vụ. Trong đó, Khối Đảng 55 nhiệm vụ; Khối HĐND 09 nhiệm vụ; Khối UBND 425 nhiệm vụ (trong đó từ 01/7/2025 tiếp nhận 06 TTHC phân cấp, phân quyền từ Trung ương và 262 TTHC phân định thẩm quyền giải quyết từ cấp huyện về), trong đó: 423 nhiệm vụ (thủ tục) thuộc thẩm quyền toàn bộ của cấp xã; 11 nhiệm vụ (thủ tục) cấp xã phải xin ý kiến cấp trên để thực hiện; Khối MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội 49 nhiệm vụ; Tổng số nhiệm vụ, thủ tục cấp xã được ủy quyền: 05 nhiệm vụ; Trong đó: (i) Ủy quyền về thủ tục, giấy tờ: 05 nhiệm vụ; (ii) Ủy quyền về dữ liệu: 0 nhiệm vụ.

Tổng số thủ tục hành chính ở cấp xã là 441<sup>31</sup>; trong đó, số thủ tục hành chính mà người dân phải đến nhiều nơi để thực hiện: 0; số thủ tục hành chính mà người dân phải đến một nơi để thực hiện: 441; số thủ tục hành chính mà người dân ở nhà

<sup>31</sup> Trong đó từ 01/7/2025 tiếp nhận 06 TTHC phân cấp, phân quyền từ Trung ương và 262 TTHC phân định thẩm quyền giải quyết từ cấp huyện về, còn lại là TTHC từ cấp xã trước đây.

có thể thực hiện được: 211.

Các văn bản quản lý nhà nước do HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong thời gian qua bảo đảm đúng thẩm quyền, tiến độ, chất lượng, trình tự và thủ tục theo quy định. Trong kỳ báo cáo, có 159 văn bản quy phạm pháp luật được đề xuất xử lý, trong đó: Đã ban hành 76 văn bản; đã xử lý và đang xây dựng 47 văn bản; chưa xử lý 36 văn bản.

Liên quan đến các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước, qua rà soát xác định cần ban hành 46 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 07 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 39 Quyết định của UBND tỉnh). Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 28 Quyết định, trình HĐND tỉnh ban hành 05 Nghị quyết; còn 13 văn bản đang được các sở, ngành xây dựng, hoàn thiện để trình ban hành trong thời gian tới (gồm 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 11 Quyết định của UBND tỉnh).

UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 20 quyết định ủy quyền trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, tạo cơ sở pháp lý để các sở, ngành chính quyền cấp xã chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đối với các nội dung Bộ, ngành Trung ương phân cấp cho địa phương. Qua các đợt rà soát đối với 949 nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền tại các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian từ 01/6/2025 đến 31/8/2025. Trên cơ sở kiến nghị của địa phương, Bộ Nội vụ đã tổng hợp 584 nhiệm vụ bảo đảm tính khả thi để thực hiện; 355 nhiệm vụ cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện; 10 nhiệm vụ cần điều chỉnh thẩm quyền giữa Trung ương với địa phương hoặc giữa các cấp của chính quyền địa phương. Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đã ban hành Công văn 174/CV-BCĐ năm 2025 chỉ đạo các Bộ, ngành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nhiệm vụ, thẩm quyền; ban hành văn bản hướng dẫn địa phương đối với các nhiệm vụ, thẩm quyền được đánh giá chưa bảo đảm tính khả thi. Qua khảo sát, đánh giá, tính đến nay cơ bản các Bộ đã hoàn thành việc xử lý đối với 10 nhiệm vụ cần điều chỉnh thẩm quyền giữa trung ương với địa phương hoặc giữa các cấp của chính quyền địa phương.

### ***3.3. Những nội dung còn chồng chéo, bỏ sót, chưa rõ chủ thể thực hiện hoặc khó tổ chức thực hiện trên thực tế***

Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg, ngày 17/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức kỳ họp thứ nhất của HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2212/UBND-NC, ngày 26/3/2026 chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát toàn bộ nội dung nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền thuộc lĩnh vực quản lý để đánh giá tính khả thi, hiệu quả thực hiện; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Qua rà soát, có 02/14

sở, ngành báo cáo còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị với các cơ quan Trung ương để xem xét điều chỉnh, xử lý, cụ thể:

*a) Trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường:*

- Sự chồng chéo giữa Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15: (1)- Các quy định về tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ huy; mô hình chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và phòng thủ dân sự (các Điều về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai (PCTT) và Tìm kiếm cứu nạn (TKCN)/Phòng thủ dân sự (PTDS); sau khi chuyển sang mô hình PTDS, vẫn tồn tại quy định chồng chéo về mô hình tổ chức, cơ chế chỉ huy giữa hệ thống PCTT chuyên ngành và PTDS. Gây lúng túng trong phân công nhiệm vụ, phối hợp liên ngành, chỉ huy ứng phó và khắc phục hậu quả, đặc biệt trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Khó khăn lớn trong thực hiện phân cấp, phân quyền và huy động lực lượng tại chỗ; (2)- Quy định về cấp độ rủi ro thiên tai và cấp độ phòng thủ dân sự, chưa có quy định liên thông giữa 02 hệ thống cấp độ, gây lúng túng trong công bố, kích hoạt, chuyển cấp và phối hợp thực hiện các biện pháp ứng phó giữa các cấp, các ngành.

- Sự chồng chéo giữa Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi:

+ Quy định về khai thác, sử dụng nước, Luật Tài nguyên nước quy định cấp phép, phân bổ và quản lý khai thác nước dưới góc độ quyền tài nguyên; Luật Thủy lợi quy định khai thác, sử dụng nước trong phạm vi công trình thủy lợi. Cùng điều chỉnh một hoạt động nhưng thiếu phân định rõ ràng, gây lúng túng trong xác định thủ tục, thẩm quyền cấp phép và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác nước.

+ Đối với quy định về hành lang bảo vệ, giữa các nghị định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cũng phát sinh chồng lấn nhau về không gian nhưng có quy định khác nhau về phạm vi, chế độ quản lý và xử lý vi phạm, gây khó khăn cho chính quyền địa phương và người dân trong áp dụng thực tế.

*b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền*

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ giao<sup>32</sup>, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tiếp tục đánh giá tính khả thi và hiệu quả của nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương<sup>33</sup> đối với: 10 nhiệm vụ đã được điều chỉnh thẩm quyền giữa Trung ương với địa phương hoặc giữa các cấp của chính quyền địa phương; 355 nhiệm vụ đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện; 391 nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền tại các văn bản quy phạm pháp luật (các nhiệm vụ phân cấp, phân quyền đã được đánh giá là khả thi trước đây, nay Bộ Nội vụ đề nghị đánh giá lại nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc) và đề nghị các cơ quan tiếp tục đề xuất các Bộ, cơ quan ngang Bộ phân cấp, phân quyền các nhiệm vụ, quyền hạn cho

<sup>32</sup> Tại Công văn số 3875/BNV-TCBC ngày 23/4/2026.

<sup>33</sup> Tại Công văn số 3289/UBND-NC ngày 25/4/2026.

chính quyền địa phương (nếu có), để thực hiện phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; tạo quyền chủ động trong việc tổ chức thực hiện và quản lý cho địa phương. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá hiệu quả thực hiện phân cấp, ủy quyền từ HĐND tỉnh, UBND tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó đề xuất, kiến nghị, giải quyết khó khăn, vướng mắc khi thực hiện phân cấp, ủy quyền trong thời gian qua cũng như dự kiến các nội dung phân cấp, ủy quyền đề xuất mới giai đoạn 2026-2031.

#### **4. Về tình hình, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trên môi trường số**

**4.1. Phát triển và đưa vào vận hành các nền tảng ứng dụng trực tuyến phục vụ người dân và chính quyền**

##### *a) Nền tảng, ứng dụng trực tuyến*

Tỉnh Điện Biên đã triển khai ứng dụng Điện Biên Smart và Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường tích hợp trong Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Điện Biên (IOC Điện Biên). Đây là kênh tương tác trực tuyến giữa người dân, tổ chức với cơ quan Nhà nước, tương tự các nền tảng đô thị thông minh được triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Điện Biên.

Ứng dụng Điện Biên Smart hiện có hơn 92.500 tài khoản đăng ký, tích hợp các tính năng: Phản ánh hiện trường (gửi vi phạm, sự cố), tra cứu dịch vụ công trực tuyến, cập nhật tin tức chính thống và cung cấp các tiện ích du lịch, đời sống thiết yếu.

Chức năng Phản ánh hiện trường: Theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 663/QĐ-UBND, ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên, phản ánh hiện trường được tiếp nhận qua ứng dụng Điện Biên Smart hoặc Cổng thông tin tương tác; sau đó được phân loại, chuyển xử lý qua Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office) đến cơ quan chủ trì giải quyết. Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp Hệ thống đã tiếp nhận 117 phản ánh của người dân về các vấn đề bất cập trong xã hội, trong đó đã giải quyết và được người dân đánh giá hài lòng 99 phản ánh, các phản ánh còn lại đang trong quá trình giải quyết.

Tỉnh Điện Biên cũng đã triển khai Tổng đài AI (02156.829.829) để giải đáp tự động các thắc mắc về thủ tục hành chính, giúp giảm tải cho cán bộ trực tiếp và hỗ trợ người dân 24/7 với khoảng 4.000 cuộc gọi đã được xử lý thành công. Việc triển khai Điện Biên Smart và Hệ thống phản ánh hiện trường và tổng đài giải đáp TTHC góp phần công khai, minh bạch quy trình tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh; nâng cao trách nhiệm của cơ quan giải quyết; tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân; đồng thời phục vụ công tác theo dõi, giám sát, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh thông qua IOC Điện Biên.

##### **4.2. Mức độ công khai và minh bạch trình tự, thủ tục trên môi trường số**

*a) Công khai trên không gian số để người dân có thể tự tiếp cận mà không cần sự hỗ trợ trực tiếp.*

Số hóa và công khai bộ thủ tục hành chính: Toàn bộ 2.113 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, xã đã được công khai chi tiết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Tỉnh đã cung cấp 1.070 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (chiếm hơn 50% tổng số thủ tục), cho phép người dân nộp hồ sơ và nhận kết quả hoàn toàn qua mạng. 100% các thủ tục hành chính đã được tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, tỉnh đang triển khai quy trình điện tử cho phép thực hiện dịch vụ công không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân ở vùng sâu, vùng xa.

*b) Đào tạo và nâng cao kỹ năng sử dụng dịch vụ công trên môi trường số*

Để người dân không bị “bỏ lại phía sau”, tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp đào tạo kỹ năng số sáng tạo:

- Chiến dịch “Bình dân học vụ số”: Được thực hiện nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho mọi tầng lớp nhân dân. Thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở, người dân được hướng dẫn trực tiếp cách cài đặt ứng dụng, sử dụng chữ ký số và thực hiện các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt. Người dân cũng có thể học tập trực tuyến trên nền tảng số “Bình dân học vụ số”.

- Tỉnh đã tổ chức chuỗi Hội nghị tập huấn ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) năm 2026 theo hình thức trực tiếp, triển khai đồng bộ tại 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh và hoàn thành trong tháng 5/2026, với sự tham gia của hơn 2.500 học viên là cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng chuyên trách chuyển đổi số và thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng; chương trình tập trung quán triệt đầy đủ các quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo (Luật số 134/2025/QH15), cập nhật xu hướng ứng dụng trợ lý ảo và các giải pháp AI trong hoạt động hành chính công hiện đại, đồng thời hướng dẫn thực hành khai thác công cụ AI phục vụ công vụ tại cơ sở. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Công ty Cổ phần MISA tổ chức cấp tài khoản và hướng dẫn sử dụng thử nghiệm phần mềm Trợ lý ảo One AI cho toàn bộ học viên, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở bước đầu trải nghiệm và ứng dụng AI vào các tác vụ cụ thể như soạn thảo văn bản hành chính, tra cứu nhanh quy định pháp luật và xử lý một số nghiệp vụ thường xuyên; qua đó góp phần tối ưu hóa thời gian xử lý công việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các tác vụ hành chính công và từng bước hình thành năng lực số, tư duy ứng dụng AI cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số tại địa phương để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

**5. Về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của hệ thống chính trị**

Trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, công tác bảo đảm nguồn lực tài chính, ngân sách và đầu tư được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy sau sắp xếp.

Tỉnh đã chủ động rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn xử lý tài chính, ngân sách trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; đồng thời chỉ đạo thực hiện việc chuyển

tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công từ cấp huyện về cấp tỉnh và cấp xã theo quy định. Việc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành và các tổ rà soát đã góp phần từng bước thống nhất quản lý các dự án chuyển tiếp, bảo đảm tính liên tục trong tổ chức thực hiện.

Công tác xử lý thu - chi ngân sách, thanh quyết toán, chuyển giao nhiệm vụ tài chính được hướng dẫn kịp thời; việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương được điều chỉnh phù hợp với mô hình tổ chức mới. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện giao lại dự toán ngân sách cho các xã, phường mới thành lập và cấp mã đơn vị quan hệ ngân sách cho 100% đơn vị, bảo đảm điều kiện hoạt động tài chính của chính quyền cơ sở.

Lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND, ngày 15/7/2025 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030; đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2359/QĐ-UBND, ngày 07/10/2025 về điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSĐP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế địa phương và các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 (áp dụng từ năm ngân sách 2026), UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND, ngày 09/12/2025 về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030 (*thay thế Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của HĐND tỉnh*); đồng thời ban hành Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND, ngày 09/12/2025 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Điện Biên.

*(chi tiết Phụ lục số 12B kèm theo)*

## **6. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công**

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản công khác, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động liên tục, thông suốt của bộ máy sau sắp xếp.

### **6.1. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**

Ban Thường vụ cấp ủy, UBND cấp huyện, Đảng ủy, UBND cấp xã thực hiện bàn giao nguyên trạng tài sản gồm: Nhà, đất, tài sản gắn liền với nhà, vật kiến trúc,

thiết bị dùng chung tại phòng họp, hội trường (bàn ghế hội trường, phòng họp, tăng âm loa đài, điều hòa...), tài sản tại bộ phận một cửa bàn giao theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao thực hiện tại bộ phận một cửa cho UBND cấp xã mới sau khi có quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan, đơn vị có chức năng của tỉnh được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản.

Trên cơ sở phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã do UBND cấp huyện đã lập, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc Phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên và Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí tài sản là xe ô tô khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên.

Sau khi các cơ quan, đơn vị hoàn thiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản, Chủ tịch UBND tỉnh đã Quyết định điều chuyển tài sản là nhà, đất cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã, phường sau khi thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính của tỉnh và mô hình chính quyền địa phương hai cấp trực tiếp quản lý, sử dụng. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

Tổng số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý là 2.612 cơ sở, trong đó: Bố trí làm trụ sở làm việc: 209 cơ sở; bố trí làm cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao): 58 cơ sở; bố trí làm nhà ở công vụ, nhà lưu trú công vụ: 07 cơ sở; bố trí làm cơ sở giáo dục, đào tạo: 1.902 cơ sở; bố trí làm cơ sở y tế: 02 cơ sở; bố trí làm thiết chế văn hóa, thể thao (số trụ sở chỉ tính theo trụ sở có đất, diện tích nhà bao gồm cả các thiết chế văn hóa nhà nằm trên đất của UBND xã hoặc đất do dân tự nguyện đóng góp): 423 cơ sở; sử dụng vào các mục đích khác: 11 cơ sở.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, việc bố trí, xử lý tài sản công đã hoàn thành, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Quá trình xử lý tài sản được thực hiện đồng bộ, liền mạch, kịp thời không bị gián đoạn, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng quy định không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực góp phần thực hiện vận hành thông suốt, liên tục của chính quyền địa phương khi thực hiện sắp xếp. Việc điều chuyển tài sản phù hợp với nhu cầu sử dụng và bảo đảm hiệu quả sử dụng cho các cơ quan, đơn vị phục vụ nhiệm vụ công tác.

## ***6.2. Đối với cơ sở nhà đất dôi dư không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích theo Công điện số 125/CĐ-TTg, ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ***

Đối với cơ sở nhà đất dôi dư, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 2950/BTC-QLCS ngày 11/3/2025 về việc đẩy mạnh việc rà soát, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích theo Công điện số 125/CĐ-TTg, ngày 01/12/2024 của Thủ

tướng Chính phủ. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1352/KH-UBND, ngày 03/4/2025 về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đến nay, tỉnh đã thực hiện xong việc xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất dôi dư không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích theo Công điện số 125/CĐ-TTg, ngày 01/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

### ***6.3. Đối với các cơ sở nhà, đất có quyết định thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý***

Đối với các cơ sở nhà, đất có quyết định thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; trên cơ sở công văn số 3857/BTC-QLCS, ngày 30/3/2026 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận quản lý, xử lý tài sản khẩn trương lập phương án khai thác, xử lý bảo đảm theo quy định của pháp luật để kịp thời đưa tài sản vào khai thác hoặc xử lý, tránh thất thoát, lãng phí tài sản; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính tại văn bản số 2435/UBND-KT, ngày 02/4/2026; đồng thời, chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc khẩn trương đề xuất phương án xử lý tài sản là trụ sở đã nhận chuyển giao để quản lý, xử lý. Đến nay, còn 13 cơ sở nhà, đất thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý xử lý, các đơn vị được giao tiếp nhận tài sản đang thực hiện rà soát đề đề xuất phương án xử lý cụ thể theo khoản 7 Điều 37 Nghị định 186/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Đến ngày 24/5/2026, tỉnh Điện Biên đã hoàn thành xử lý 07/13 cơ sở nhà, đất dôi dư, chủ yếu theo hình thức điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Các cơ sở đã xử lý gồm: 02 trạm quản lý bảo vệ rừng (tại xã cũ: Nà Nhạn, Thanh Nua), 03 trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện cũ (Tòa Chùa, Điện Biên Đông, Mường Ảng), Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Sa Lông (cũ) và Thuế cơ sở 01 tại Mường Ảng.

Đối với 06/13 cơ sở còn lại, các đơn vị đã xây dựng phương án xử lý và đang hoàn thiện thủ tục thực hiện, hoàn thành trong tháng 6/2026. Trong đó, 02 cơ sở (Trạm Khí tượng Pha Đin, Trạm Thủy văn Nậm Múc tại Nậm Nèn và Sính Phình) dự kiến phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất và giao địa phương quản lý đất đai; 04 cơ sở tại phường Điện Biên Phủ và phường Mường Lay dự kiến điều chuyển, bố trí sử dụng phục vụ hoạt động của Trung tâm dịch vụ tổng hợp, lực lượng quản lý đô thị, làm kho vật tư, nơi ở công vụ tạm thời cho cán bộ hoặc phục vụ các thiết chế văn hóa, thể thao và mục đích công cộng khác trên địa bàn.

Ngoài ra, tỉnh Điện Biên dự kiến tiếp nhận 12 cơ sở chuyển giao từ Tòa án

Nhân dân tối cao (05 cơ sở trên địa bàn các xã, phường: Mường Ảng, Na Son, Tủa Chùa, Mường Nhé, Mường Lay ) và Bộ Tài chính (07 cơ sở trên địa bàn các xã Na Son, Thanh An, Tủa Chùa, Mường Ảng, Nà Hỳ, Nà Tấu, Na Sang). Hiện các đơn vị trên đang hoàn tất hồ sơ trình chuyển giao nhà, đất cho tỉnh Điện Biên quản lý, xử lý theo quy định<sup>34</sup>.

#### **6.4. Đối với xe ô tô**

Việc sắp xếp, bố trí tài sản là xe ô tô khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định điều chuyển xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị. Theo đó, khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đã thực hiện bố trí, sắp xếp 60 xe ô tô của cấp huyện cũ cho 45 xã, phường, gồm 55 xe ô tô phục vụ công tác chung và 05 xe ô tô chuyên dùng. Trong đó, có 10 xã, phường được sắp xếp, bố trí 02 xe/01 xã, phường; 35 xã, phường được bố trí 01 xe/01 xã, thiếu 01 xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Về việc rà soát tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Đảng ủy UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025, chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện rà soát tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thiếu tổng 67 xe so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (các cơ quan, đơn vị khối tỉnh thiếu 31 xe ô tô, UBND các xã, phường thiếu 36 xe ô tô).

**6.5. Đối với máy móc, thiết bị làm việc:** Đối với cấp xã: UBND cấp huyện cũ, UBND cấp xã cũ thực hiện bàn giao tài sản theo cán bộ, công chức, viên chức cho UBND cấp xã mới tiếp nhận. Trên cơ sở đề xuất của đơn vị, UBND tỉnh đã điều chuyển máy móc thiết bị cho 45/45 xã, phường. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị cấp xã mới đã được bố trí trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn được giao, cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác.

### **7. Số hóa tài liệu, lưu trữ**

#### **7.1. Về tình hình số hóa hồ sơ, tài liệu**

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại các công văn về tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị<sup>35</sup>. Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện số hóa được 18.672/28.005 hồ sơ với khoảng 312.780 trang, đạt khoảng 70% tính theo số hồ sơ và khoảng 10,2% tính theo tổng

<sup>34</sup> Công văn số 189/TANDTC-KHTC ngày 18/5/2026 của Tòa án nhân dân tối cao về việc phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất dôi dư của Tòa án nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh Điện Biên ; Công văn số 6567/BTC-KHTC ngày 21/5/2026 của Bộ Tài chính về việc phối hợp quản lý, xử lý các cơ sở nhà, đất không còn nhu cầu sử dụng của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

<sup>35</sup> Công văn số 851/BNV-CVT&NN ngày 01/4/2025 về hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ văn thư, lưu trữ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; Công văn số 2608/BNV-CVT&NN ngày 20/5/2025 về việc rà soát, đánh giá hiện trạng tài liệu lưu trữ trước khi sáp nhập, giải thể hoặc chuyển giao tổ chức và Công văn số 3064/BNV-CVT&LTNN ngày 30/5/2025 về việc đôn đốc thực hiện việc số hóa tài liệu lưu trữ và tiếp tục tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ ở địa phương

số trang cần số hóa (trên 3.063.372 trang). Dữ liệu số hóa được bảo quản tập trung trên hệ thống máy chủ với dung lượng khoảng 134 TB, bảo đảm an toàn, phục vụ hiệu quả công tác tra cứu, khai thác.

Tài liệu số hóa được quản lý thông qua các phần mềm chuyên dụng như: TDOOffice, PLATFORM, phần mềm lưu trữ điện tử của ngành Bảo hiểm xã hội, Active Directory... Dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống máy chủ nội bộ hoặc trung tâm dữ liệu chuyên ngành, có thiết lập cơ chế sao lưu định kỳ, bảo đảm an toàn thông tin và phục vụ hiệu quả việc khai thác tài liệu theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

Trong giai đoạn 2025-2030, tỉnh đặt mục tiêu hoàn thành chỉnh lý, khoảng 20.650 mét giá tài liệu tồn đọng, lựa chọn số hóa khoảng 7.000 mét giá tài liệu tại cấp huyện, cấp xã và các sở, ngành sau sắp xếp tổ chức bộ máy; ưu tiên xử lý tài liệu có giá trị vĩnh viễn và tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý, điều hành. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng Kho Lưu trữ số cấp tỉnh, bảo đảm kết nối liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành TDOOffice, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành số hóa toàn bộ tài liệu lưu trữ có giá trị, phục vụ khai thác trực tuyến, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

## **7.2. Về sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử**

Tính đến 04/5/2026, Chữ ký số chuyên dùng công vụ (CKS) toàn tỉnh (USB; SIM PKI; RSSP) đang hoạt động là 22.217 (trong đó tổ chức 2.439 CKS; cá nhân 19.778 CKS). Hỗ trợ, quản lý chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ các đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền UBND tỉnh Điện Biên.

Tiếp nhận, hỗ trợ, xử lý 135 hồ sơ ủy quyền với tổng 878 lượt yêu cầu thực hiện gia hạn, thay đổi thông tin, khôi phục mật khẩu trên hệ thống Dịch vụ công của Ban Cơ yếu Chính phủ.

Hướng dẫn các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã, các ngành tham mưu quy trình hồ sơ, quản lý chữ ký số, ký số tập trung, hỗ trợ, thực hiện nộp hồ sơ trên hệ thống Dịch vụ công của Ban Cơ yếu. Rà soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện dịch vụ gia hạn thời gian sử dụng CKS đối với các trường hợp CKS chuẩn bị hết hạn.

Tổng hợp cấp, tiếp nhận, bàn giao sử dụng 358 sản phẩm mật mã (Chữ ký số hai chức năng mã hóa và ký số) làm việc trên hệ thống quản lý văn bản mật (61 tổ chức, 297 cá nhân).

Hỗ trợ, vận hành hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành (QLVB&ĐH). Hệ thống được xây dựng tại 02 máy chủ vật lý, trong đó tạo lập 36 máy chủ ảo (03 máy chủ ảo cài đặt dịch vụ trung gian, 33 máy chủ ảo cài đặt hệ thống QLVB&ĐH). Tổng số 590 đơn vị sử dụng dịch vụ gồm: 14 sở, ngành; 45 xã, phường; 20 đơn vị trực thuộc ngành Y tế; 468 đơn vị thuộc ngành Giáo dục; 30 đơn vị khác; 13 đơn vị cũ sau sáp nhập để tra cứu dữ liệu.

Hỗ trợ quản trị vận hành hệ thống, ứng dụng ký số trên 1500 lượt. Tổng số

lượng văn bản đến/đi 786.917/167.214; tỉ lệ ký số đạt trên 98,81%. Xây dựng kết nối liên thông các đơn vị trực thuộc 45 xã với Đảng ủy các xã, bảo đảm vận hành gửi/nhận liên thông văn bản 3 cấp từ các bộ ngành, trung ương tới tỉnh, Sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị khác sử dụng QLVB&ĐH trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, cấu hình 02 hệ thống máy chủ QLVB&ĐH cho các đơn vị: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Công ty Điện lực tỉnh Điện Biên, Thuế tỉnh Điện Biên.

- Công tác quản lý, sử dụng chứng thư số trong các cơ quan Đảng: Được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống, đến nay đã cấp 2.371 chứng thư chữ ký số và chứng thư khai thác mạng mật cho tổ chức và cá nhân, trong đó: Chứng thư chữ ký số là 1.660 (cấp cho tổ chức là: 465, cá nhân là: 1.195); chứng thư chữ ký số và khai thác mạng mật là 478 (cấp cho tổ chức: 397, cá nhân: 81); chứng thư số khai thác mạng mật là 233 (cấp cho cá nhân); bảo đảm 100% văn bản không mật được ký số, gửi nhận, xử lý trên môi trường điện tử. Đồng thời thực hiện rà soát, cập nhật, thu hồi, thay đổi thông tin chứng thư số và quản lý thiết bị lưu trữ an toàn USB DC-02 theo đúng quy định.

## **8. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số**

**8.1. Tình hình đầu tư, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp tỉnh** (máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối, mạng, trung tâm dữ liệu,...).

- Hạ tầng máy chủ và Trung tâm dữ liệu (TTDL)

+ Hạ tầng lõi được tập trung đầu tư theo hướng hiện đại, bảo đảm năng lực lưu trữ và tính an toàn hệ thống cho mô hình chính quyền 02 cấp:

+ Hệ thống máy chủ: Vận hành tổng số 54 máy chủ vật lý, tạo lập hàng trăm máy chủ ảo hóa phục vụ các hệ thống dùng chung (TDOffice, Hộp không giấy, CSDL chuyên ngành). Hiện tại, hệ thống đã khai thác tới 65% công suất thiết kế.

+ Năng lực lưu trữ: Trang bị 06 thiết bị lưu trữ chuyên dùng (SAN) với tổng dung lượng khả dụng lên tới 835TB, đáp ứng yêu cầu lưu trữ dữ liệu tập trung và số hóa hồ sơ thủ tục hành chính.

+ An toàn thông tin: Trung tâm dữ liệu được bảo vệ bởi hệ thống giám sát SOC 24/7, tường lửa chống DDoS và các giải pháp phòng chống mã độc (EDR, SIEM). 03 nhóm hệ thống thông tin chính đã được phê duyệt bảo đảm an toàn Cấp độ 3.

- Trang bị máy trạm và Thiết bị đầu cuối: Nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ, công chức (CBCC) sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, công tác mua sắm tập trung đã được triển khai quyết liệt:

+ Quy mô trang bị: Tổng cộng có 47 cơ quan, đơn vị đăng ký mua sắm bổ sung trang thiết bị.

+ Số lượng thiết bị đầu cuối: Máy tính: Đầu tư 1.020 máy tính để bàn (kèm bộ lưu điện) và 647 máy tính xách tay, bảo đảm tỷ lệ CBCC có máy tính làm việc đạt

mức cao. Thiết bị hỗ trợ: Trang bị 788 máy in A4, 126 máy photocopy và 02 máy tính bảng phục vụ tác nghiệp lưu động. Hạ tầng phụ trợ: Lắp đặt 368 máy điều hòa nhiệt độ cho các phòng máy và khu vực làm việc để bảo đảm điều kiện vận hành thiết bị.

### ***8.2. Hạ tầng kết nối, đường truyền, kết nối liên thông giữa các cấp.***

Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1951/KH-UBND ngày 18/3/2026 của UBND tỉnh về Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở triển khai đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 1.239 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS); có 2.252 trạm BTS<sup>36</sup>, hạ tầng truyền dẫn cáp quang đã phủ đến 100% trung tâm xã, phường và 89% thôn/bản/tổ dân phố, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ số. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối thông suốt từ trung ương đến cấp xã phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Hiện có 171 kênh truyền phục vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến, gửi nhận và xử lý văn bản mật, tối mật góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và bảo đảm kết nối liên thông giữa các cấp chính quyền.

### ***8.3. Hệ thống phần mềm và mức độ kết nối, liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ địa phương và với hệ thống của bộ, ngành trung ương. Mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các điểm nghẽn kỹ thuật***

- Hệ thống Hội nghị truyền hình

+ Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống vận hành trên sự kết hợp giữa Polycom và Pexip, kết nối ổn định tới 135 điểm cầu từ Trung ương đến xã. Hạ tầng bao gồm 01 thiết bị điều khiển đa điểm Polycom, 10 máy chủ ảo xử lý chuyển mã và Proxy, cùng hệ thống mạng 10Gbps trên đường truyền số liệu chuyên dùng. Bảo mật được bảo đảm bởi 04 tường lửa chuyên dụng.

+ Mức độ kết nối: Đáp ứng quy mô lớn, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành liên cấp trong mô hình chính quyền 02 cấp.

- Triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan đảng: Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng (dhtn.dcs.vn); thiết lập hệ thống bảo mật kênh truyền phục vụ gửi, nhận văn bản mật và các phần mềm: Sổ tay đảng viên, theodoinq.dcs.vn; gstx.ubkttw.vn; pakn.nq57.vn ...

+ Hạ tầng kỹ thuật: Sử dụng Trung tâm dữ liệu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

+ Kết quả hoạt động: Phục vụ 52 cơ quan, bao gồm: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và Đảng ủy 45 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

<sup>36</sup> Trong đó: 781 trạm 3G, 1.229 trạm 4G, 242 trạm 5G; 100% xã, phường, phủ sóng 3G, 4G; phủ sóng 96% khu vực dân cư sinh sống;

+ Điểm nghẽn kỹ thuật: Trục liên thông văn bản quốc gia đôi khi mất đồng bộ trạng thái, do đó có tình trạng văn bản gửi liên thông tới các cơ quan khối chính quyền có văn bản không nhận được.

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng: Từ ngày 01/7/2025 đến nay các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh sử dụng các Hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu của Văn phòng Trung ương Đảng. Từ thời điểm 30/6/2025 trở về trước thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng theo Hướng dẫn số 07-HD/VPTW, ngày 29/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng (thực hiện triển khai trong thời gian tới).

- Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành (TDOffice).

+ Hạ tầng kỹ thuật: Triển khai trên 06 máy chủ vật lý (36 máy chủ ảo) với dung lượng lưu trữ 35TB, sử dụng đường truyền Internet song song của VNPT và Viettel.

+ Kết quả hoạt động: Phục vụ 590 đơn vị, bao gồm toàn bộ 45 xã, phường mới và các khối Giáo dục, Y tế. Đã hoàn thành chuẩn hóa hệ thống trong Quý I/2026.

+ Điểm nghẽn kỹ thuật: Trục liên thông văn bản quốc gia đôi khi mất đồng bộ trạng thái. Dữ liệu tăng trưởng nhanh gây áp lực lên hệ thống vận hành 24/7, trong khi đó nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế.

- Hệ thống phần mềm họp không giấy

+ Hạ tầng kỹ thuật: Vận hành trên 04 máy chủ ảo với thiết bị lưu trữ SAN chuyên dùng 2TB.

+ Kết quả hoạt động: Triển khai thành công cho MTTQ tỉnh và các xã/phường trọng điểm (Sín Thầu, Mường Phăng...). Đã phục vụ tốt 08 kỳ họp HĐND các cấp năm 2026 với 371 tài liệu số hóa và 49 nội dung biểu quyết điện tử.

+ Điểm nghẽn kỹ thuật: Hệ thống vẫn còn phát sinh lỗi về thiết lập, tổ chức cuộc họp; chức năng quản lý tài khoản, đặc biệt là thay đổi mật khẩu, chưa thuận tiện. Phần mềm chưa tách riêng cho khối UBND, dễ dẫn đến xung đột chức năng và khó khăn trong quản trị.

- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

+ Hạ tầng kỹ thuật: Vận hành trên 04 máy chủ vật lý (12 máy chủ ảo) với hệ thống lưu trữ SAN 46TB, tốc độ truyền dẫn nội bộ 10Gbps.

+ Kết quả hoạt động: Triển khai tổng thể 14 hệ thống CSDL (09 chuyên ngành, 05 dùng chung). Đến 01/7/2025, đã hoàn thành chuyển đổi 07 CSDL chuyên ngành sang mô hình chính quyền 02 cấp ở mức cơ bản, hình thành nguồn dữ liệu tập trung phục vụ tích hợp với Trung tâm IOC.

- Điểm nghẽn kỹ thuật: Công tác cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu của các đơn vị còn chậm, chưa chuyển hết dữ liệu cũ sang hệ thống mới. Đơn vị cung cấp phần mềm (Tân Dân) phối hợp chưa kịp thời; lỗi hệ thống lặp lại chưa được xử lý triệt để.

- Hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu (TTDL)

+ Hạ tầng kỹ thuật: Gồm 54 máy chủ vật lý, 26 thiết bị mạng, lưu trữ SAN 835TB và 07 đường truyền Internet/số liệu chuyên dùng tốc độ cao.

+ An toàn thông tin (ATTT): Giám sát 24/7 qua hệ thống SOC; trang bị đầy đủ giải pháp chống mã độc (Bkav Endpoint, EDR), quản lý nhật ký SIEM và tường lửa chống DDoS. Có 03 nhóm hệ thống thông tin cốt lõi đã được phê duyệt hồ sơ bảo đảm ATTT cấp độ 3.

+ Mức độ đáp ứng: Bảo đảm vận hành thông suốt trực liên thông văn bản quốc gia và phục vụ tốt các sự kiện chính trị lớn của tỉnh. Nền tảng tích hợp (LGSP) đã kết nối thành công với 15 hệ thống CSDL/Thông tin khác.

- Khó khăn, vướng mắc

+ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) chưa được đầu tư máy chủ vật lý để triển khai các phần mềm, ứng dụng.

+ Các hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ 3 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cần định kỳ đánh giá định kỳ 01 lần/năm theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, cần phải có đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin đánh giá và kính phí thực hiện.

+ Hệ thống máy chủ phục vụ triển khai các phần mềm, ứng dụng đã đạt sử dụng tới 65% công suất; hạ tầng thiết bị; truyền dẫn cần có đơn vị chuyên trách đánh giá, chuẩn hóa lại trước khi được đầu tư nâng cấp, triển khai thêm phần mềm, dịch vụ mới.

#### **8.4. Về thực hiện công tác chuyển đổi số**

##### **8.4.1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị**

a) Hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu dùng chung

Toàn tỉnh có 1.239 trạm thông tin di động (BTS), đưa vùng phủ sóng 4G đạt 100% cấp xã và 96,4% khu vực dân cư; xây dựng 740 tuyến cáp quang dài 3.580 km, kéo tới 100% trung tâm cấp xã và gần 90% thôn, bản. Mạng 5G (với 242 trạm) được triển khai để cung cấp đường truyền tốc độ cao; trong quý I đã phát triển mới 204 trạm 5G, bao phủ 40% khu vực có dân cư sinh sống.

Tỉnh đã tập trung rà soát và hoàn thiện các nền tảng số dùng chung trong cơ quan Đảng và Nhà nước, bảo đảm giải quyết dứt điểm các vướng mắc để vận hành thông suốt, đáp ứng tốt yêu cầu người dùng. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định tại 590 đơn vị (cả khối chính quyền và tổ chức Đảng cấp xã) với tỷ lệ ký số đạt trên 98,07%; 100% cơ quan các cấp đã áp dụng hệ thống chỉ đạo, điều hành và 100% cán bộ, công chức được cấp thư điện tử công vụ.

Tỉnh đã khai thác hiệu quả Mạng thông tin diện rộng dùng chung, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã. Việc gửi nhận và xử lý hồ sơ ở các cấp độ Mật, Tối mật được thực hiện trên môi trường mạng an toàn, thống nhất giữa khối

Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị, xã hội.

Triển khai thử nghiệm Hệ thống kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tỉnh; nghiên cứu, xây dựng và kiểm thử phần mềm Hệ thống đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Quyết định số 366-QĐ/TW, đã đưa vào vận hành thử nghiệm tại địa chỉ <https://qd366.vnptdienbien.vn> do Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý.

Thực hiện nhiệm vụ rà soát Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo hướng những nhiệm vụ nào cần mua, những nhiệm vụ nào thuê được thì thực hiện thuê các đơn vị cung cấp; thực hiện kết nối với các trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn và vận hành các nền tảng AI, từng bước hình thành hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

Hoàn thành rà soát và xác định phương án kết hợp giữa đầu tư hạ tầng cốt lõi và thuê dịch vụ công nghệ thông tin để tối ưu hóa hiệu quả; đề xuất chủ trương đầu tư dự án mở rộng cơ sở dữ liệu dùng chung, hạ tầng an toàn thông tin và đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030 gửi các cơ quan thẩm định.

Quy mô và năng lực hạ tầng: Theo kế hoạch, tỉnh dự kiến bố trí 30 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công năm 2026 để xây dựng tòa nhà Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung và nâng cấp hệ thống. Hạ tầng mới được thiết kế đáp ứng khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn (Big Data) và sẵn sàng vận hành các nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), từng bước hình thành nền tảng điện toán đám mây của tỉnh.

Tỉnh đã chủ động rà soát và huy động nguồn lực để hiện đại hóa Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. Ngày 25/3/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 472/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán ngân sách Trung ương năm 2026 cho tỉnh để triển khai nhiệm vụ. Hiện đã hoàn thành việc tổng hợp, đề xuất dự toán kinh phí chi tiết và đang tích cực triển khai khảo sát thực tế để lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị đồng bộ cho Trung tâm cấp tỉnh và cấp xã.

#### b) Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

Kịp thời công bố, rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của thủ tục hành chính (TTHC) theo Điều 3 Thông tư số 03/2025/TT-VPCP, hoàn thành mục tiêu 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026–2030, trong đó xác định thực hiện cơ chế “Luồng xanh”, phân đấu

cắt giảm từ 70–90% thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã kết nối thông suốt với hệ thống chuyên ngành của nhiều Bộ, ngành và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được tái cấu trúc, cung cấp trực tuyến); đang phối hợp với Bộ Công an để kết nối trực tiếp với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Xây dựng Trợ lý ảo AI hỗ trợ nông nghiệp, số hóa ngành nông nghiệp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xây dựng phần mềm Trợ lý AI Nông nghiệp (Agriapp). Đến nay, đã hoàn thành cung cấp hệ thống dữ liệu lớn gồm 129 quy trình kỹ thuật trồng trọt, bản đồ hiện trạng rừng, đất đai và các báo cáo kinh tế - xã hội để huấn luyện AI. Đồng thời, đã ban hành các văn bản chỉ đạo thu thập tài liệu khoa học chuyên sâu cho 4 loại cây trồng chủ lực (cà phê, mắc ca, dứa, chanh leo). Ứng dụng hiện đã triển khai thực tế tại 45 xã, phường với hơn 1.000 lượt tương tác (chat). Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số người dùng đạt 2.013 người. Các đơn vị đang tập trung huấn luyện chuyên sâu cho trợ lý AI, hoàn thiện kho tài liệu kiến thức GAP và khẩn trương xây dựng phân hệ thông tin thị trường nhằm nâng cao chất lượng tư vấn và hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho người dân.

Nghiên cứu ứng dụng AI tự động sinh ảnh PET từ ảnh CT hỗ trợ chẩn đoán bệnh: Sở Y tế phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các đối tác công nghệ tổ chức khảo sát, xây dựng phương án triển khai thí điểm tại cơ sở y tế tuyến tỉnh; bước đầu tiếp cận giải pháp AI trong chẩn đoán hình ảnh. Hiện đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026.

Phát triển du lịch thông minh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp công nghệ triển khai phòng trải nghiệm Immersive 360 và phần mềm thuyết minh tự động, đang hoàn thiện các bước chuẩn bị đầu tư, lựa chọn điểm đến trọng điểm.

#### 8.4.2. Phát triển kinh tế số, xã hội số

Tỉnh đã quyết liệt thúc đẩy ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động kinh doanh và giao dịch với 193 doanh nghiệp, hộ kinh doanh áp dụng thành công hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai đồng bộ, đạt tỷ lệ 100% tại các cơ sở y tế, giáo dục công lập và nhóm người có công; nhận lương hưu, trợ cấp thất nghiệp đạt 98,84% và bảo trợ xã hội đạt 76%.

Lĩnh vực y tế và giáo dục đã hoàn thành liên thông dữ liệu bảo hiểm tại 100% cơ sở khám chữa bệnh, tạo lập hơn 446.000 hồ sơ Sổ sức khỏe điện tử (62,45% dân số), triển khai khám bệnh bằng căn cước công dân gắn chip và triển khai 100% học

bạ số trong các cơ sở giáo dục.

Thực hiện Kịch bản tăng trưởng năm 2026<sup>37</sup>, các lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS đã hoàn thành kịch bản tăng trưởng quý I/2026, trong đó ngành viễn thông đạt tốc độ tăng trưởng 107,89%, vượt kế hoạch 2,28 điểm % (KH 105,61%) với giá trị tăng thêm ước đạt 286/1.084 tỷ đồng kế hoạch năm.

**9. Về việc đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hóa những công việc, dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục**

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công, tỉnh đã tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm huy động các nguồn lực xã hội tham gia cung ứng dịch vụ, nhất là trong lĩnh vực y tế và giáo dục.

Trong lĩnh vực y tế, căn cứ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa y tế, Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn các đơn vị y tế công lập căn cứ tình hình thực tế, hằng năm và theo từng giai đoạn xây dựng kế hoạch, đề án xã hội hóa các dịch vụ y tế như liên doanh, liên kết và xã hội hóa dịch vụ công trình Sở Y tế phê duyệt theo quy định. Đồng thời, tăng cường công tác xã hội hóa y tế, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong cung cấp dịch vụ công giữa các đơn vị.

Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo đẩy mạnh phát triển hệ thống y, dược tư nhân, đặc biệt là y tế tư nhân tại các xã vùng sâu, vùng xa; tăng cường phối hợp công - tư trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Một số cơ chế đã được triển khai như cho phép cơ sở hành nghề y tư nhân đủ điều kiện tham gia khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và tham gia các hoạt động khám chữa bệnh nhân đạo cho người nghèo, đối tượng chính sách và người có công.

Công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đúng quy định hiện hành. Hiện nay, toàn tỉnh có 141 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và 185 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập. Trong lĩnh vực dược, toàn tỉnh có 401 cơ sở hành nghề dược, gồm 13 công ty, 112 nhà thuốc và 277 quầy thuốc; các cơ sở đều đạt tiêu chuẩn GPP theo quy định, 100% cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược. Việc quản lý các cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo ngành giáo dục tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Hiện nay, do đặc thù tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn

<sup>37</sup> Kế hoạch số 599/KH-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh về Kịch bản tăng trưởng năm 2026.

do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Trên địa bàn tỉnh hiện chỉ có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1 và Trường Cao đẳng Điện Biên là đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Để tăng cường xã hội hóa những công việc, dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, tỉnh xác định cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tài chính; đẩy mạnh mô hình hợp tác công - tư (PPP); đồng thời tăng cường công tác kiểm định, giám sát chất lượng nhằm bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

## **10. Về việc phân bổ ngân sách, nguồn lực (kinh phí, con người) bảo đảm cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền**

### ***10.1. Về việc phân bổ ngân sách, nguồn lực***

Để bảo đảm nguồn lực thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã tổng hợp nhu cầu và bố trí kinh phí hỗ trợ cho các xã, phường về cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở làm việc với số kinh phí là 159,6 tỷ đồng và thực hiện các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức bộ máy là 1.157,889 tỷ đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách Nhà nước. Trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ 1.049,059 tỷ đồng để bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở làm việc và chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP; nguồn ngân sách địa phương chi trả chế độ cho cán bộ, công chức nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ là 268,43 tỷ đồng.

- Thực hiện Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp, Đảng ủy UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Công văn số 1668/UBND-KT ngày 21/4/2025 về việc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp. Trên cơ sở kết quả báo cáo, rà soát của các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường mới thành lập, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 phân bổ lại dự toán cho các xã, phường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là 5.711,976 tỷ đồng (trong đó: nguồn giao năm 2025 là 5.278,133 tỷ đồng; nguồn chuyển nguồn năm trước sang là 433,843 tỷ đồng); Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tỉnh tiếp tục bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung và nguồn sách tỉnh cho các xã, phường số tiền 1.623,507 tỷ đồng. Tổng kinh phí năm 2025 các xã, phường được giao để thực hiện nhiệm vụ là 7.335,483 tỷ đồng.

- Đối với năm 2026, để bảo đảm cho việc duy trì hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 giao dự toán cho các xã, phường thực hiện với tổng kinh

phí là 7.748,294 tỷ đồng. Trong năm UBND tỉnh tiếp tục bổ sung kinh phí cho các xã, phường thực hiện nhiệm vụ với số tiền 273,255 tỷ đồng, chủ yếu thực hiện các chính sách phát sinh tăng thêm phân quyền cho cấp xã, phường chi trả.

### **10.2. Về tăng cường công chức, viên chức về địa phương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp**

Để bảo đảm nhân sự cho các xã mới hoạt động, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh đã chỉ đạo bố trí 100% biên chế cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã cũ về xã mới. Sau khi các xã mới đi vào hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tạm giao biên chế để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để sắp xếp, bố trí điều động cán bộ, công chức, viên chức theo chuyên môn, nghiệp vụ nhằm bảo đảm nhân sự cho các xã hoạt động.

Ngay sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp làm việc với Đảng ủy, UBND các xã, phường nhằm rà soát nhân lực thuộc các lĩnh vực chuyên môn; trên cơ sở đó, tỉnh đã thực hiện biệt phái, tăng cường 124 công chức, viên chức về các xã, phường; trong đó: Biệt phái 52 công chức, viên chức từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giao Sở Y tế chỉ đạo, tăng cường viên chức lãnh đạo, quản lý ở 45 trạm Y tế giúp UBND các xã quản lý nhà nước về Y tế trên địa bàn; chỉ đạo UBND các xã, phường biệt phái 17 viên chức thuộc các trường học trực thuộc làm việc ở vị trí việc làm công chức thuộc UBND cấp xã. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chủ động bố trí tăng cường công chức, viên chức hướng dẫn, hỗ trợ các xã, phường về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực phụ trách nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cấp xã. Nhằm tăng cường nhân lực hỗ trợ các xã trong công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, UBND tỉnh tiếp tục biệt phái 27 công chức, viên chức cho các xã, phường.

Thực hiện Thông báo số 21-TB/VPTW, ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; tỉnh đã thực hiện điều động 28 cán bộ, công chức đến nhận nhiệm vụ tại Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã; điều động 41 công chức đến nhận nhiệm vụ tại UBND các xã; đảng ủy, UBND các xã thực hiện điều động trong nội bộ xã từ khối chính quyền sang khối Đảng và ngược lại với tổng số 36 công chức. Hiện nay, cơ bản các xã bảo đảm số lượng, nhân lực theo định mức hiện hành.

### **11. Về khung tổ chức bộ máy cấp tỉnh; quy mô, phạm vi, khung tổ chức bộ máy cấp xã**

Thực hiện chủ trương của Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính các cấp bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Đối với cấp tỉnh, khung tổ chức bộ máy cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm

vụ được giao và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình hiện nay. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được thực hiện theo đúng định hướng của Trung ương; bảo đảm tinh gọn đầu mối, giảm chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị từng bước đi vào ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tham mưu, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Đối với cấp xã, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, quy mô, phạm vi quản lý của cấp xã được mở rộng đáng kể; số lượng nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền tăng mạnh, yêu cầu đối với năng lực quản trị, điều hành của chính quyền cơ sở ngày càng cao. Khung tổ chức bộ máy cấp xã được thực hiện theo đúng định hướng của Trung ương, mỗi xã thành lập 03 cơ quan tham mưu, giúp việc (Ban xây dựng Đảng; Văn phòng Đảng ủy; Cơ quan UBKT Đảng ủy), ngoài ra đối với xã có trụ sở Trung tâm chính trị (cũ) được thành lập Trung tâm chính trị trực thuộc Đảng ủy cấp xã; cơ quan Ủy ban MTTQ và 4 tổ chức chính trị - xã hội (Hội cựu chiến binh; Hội Nông dân; Đoàn thanh niên; Hội liên hiệp phụ nữ) ngoài ra xã có đông đoàn viên, tổ chức công đoàn theo quy định được lập tổ chức công đoàn cấp xã; 04 cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính trực thuộc (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) và tiếp tục được kiện toàn, tăng số lượng phòng thuộc UBND cấp xã bình quân không vượt quá 4,5 tổ chức trên 01 đơn vị hành chính cấp xã (tỉnh Điện Biên đang thực hiện trước mắt bố trí 05/45 xã, phường được tổ chức 05 phòng; còn 40 xã, phường còn lại được tổ chức 04 phòng). Khung tổ chức bộ máy cấp xã đã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy vẫn còn một số khó khăn, bất cập đó là: Theo quy định hiện nay Trung tâm Phục vụ hành chính công là “cơ cấu cứng” được thành lập ở tất cả các xã. Tuy nhiên, thực tế hoạt động ở một số xã cho thấy số lượng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không lớn do có dân số ít, xã tại khu vực vùng sâu, vùng xa nhu cầu thực hiện TTHC của người dân không lớn nên việc duy trì Trung tâm Phục vụ hành chính công chưa thực sự phát huy hiệu quả (*chỉ cần có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Văn phòng HĐND và UBND xã là bảo đảm thực hiện nhiệm vụ*).

## **12. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị sau khi vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp**

Sau khi vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp, công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 1.064 công dân. Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo phải xem xét, giải quyết là 128 vụ việc, gồm 10 vụ

việc tồn đọng trước ngày 30/6/2025 và 118 vụ việc phát sinh mới. Qua phân loại, xử lý, các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết dứt điểm 80 vụ việc, hiện còn 38 vụ việc đang được giải quyết theo lộ trình, không có vụ việc chưa giải quyết.

Trong đó, cấp tỉnh tiếp công dân 272 cuộc; tiếp nhận, xử lý 52 vụ việc phát sinh mới, đã giải quyết 22 vụ việc, hiện còn 30 vụ việc đang giải quyết. Cấp xã tiếp công dân 791 cuộc; tiếp nhận, xử lý 76 vụ việc (gồm 10 vụ tồn đọng và 66 vụ phát sinh mới), đã giải quyết 58 vụ việc, còn 8 vụ việc đang giải quyết theo quy định.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của công dân được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện. Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã tiếp nhận 905 đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền; đã giải quyết 770 đơn, đạt tỷ lệ 85%; hiện còn 135 đơn đang xem xét, giải quyết theo quy định.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị tiếp tục được tăng cường; các cơ quan, đơn vị đã thực hiện cập nhật, theo dõi, quản lý đơn thư và kết quả giải quyết trên hệ thống phần mềm báo cáo, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, theo dõi tiến độ giải quyết vụ việc, phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo kịp thời, chính xác.

*(chi tiết tại Phụ lục 13B kèm theo)*

## **IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)**

Trên cơ sở bám sát các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và cùng sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, cán bộ, đảng viên, sau 01 năm triển khai thực hiện, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại tỉnh Điện Biên đã từng bước vận hành ổn định, thông suốt, đạt được những kết quả tích cực.

Tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống từng bước đổi mới, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, giảm đầu mối, giảm số lượng phòng, ban chuyên môn; giảm số lượng lãnh đạo, quản lý; sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Công tác chỉ đạo, điều hành từ UBND tỉnh đến cấp xã được thực hiện thống nhất, đồng bộ, kịp thời hơn, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số đã tạo chuyển biến rõ nét trong phương thức phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ công, hướng tới nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp.

Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững ổn định; an ninh quốc gia được bảo đảm, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành "điểm nóng" phức tạp về an ninh, trật tự; tội phạm và vi phạm pháp luật cơ bản được kiểm chế, kéo giảm; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục được

nâng lên, góp phần phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bộ máy chính quyền trong tỉnh đã bước đầu thể hiện được hiệu quả của mô hình mới; chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn và thúc đẩy phát triển; chuyển đổi tư duy từ quản lý hành chính sang phục vụ, kiến tạo phát triển; các xã đã chủ động kiến tạo phát triển các tiềm năng trên địa bàn, thu hút đầu tư, tạo việc làm, chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách; chủ động chăm lo đời sống nhân dân; thúc đẩy sản xuất, tìm đầu ra; tập trung phát triển du lịch, liên kết sản xuất nông nghiệp tập trung; quan tâm sâu sát an ninh trật tự, bảo đảm quốc phòng, an ninh... hệ thống cơ chế, chính sách, đặc biệt là các quy định về phân cấp, phân quyền, ủy quyền được ban hành kịp thời, góp phần làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, đồng thời nâng cao tính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong thực thi công vụ.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã từng bước hình thành nền tảng nhân lực phù hợp với yêu cầu của mô hình mới, trong đó cấp xã thực sự trở thành cấp trực tiếp tổ chức thực hiện, gần dân, sát dân và phục vụ Nhân dân ngày càng hiệu quả hơn. Công tác thể chế hóa được triển khai quyết liệt với khối lượng lớn văn bản được rà soát, điều chỉnh, ban hành mới, bảo đảm cho bộ máy vận hành ổn định, thống nhất. Việc cung ứng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, thông suốt; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính từng bước được nâng cao, giảm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Đời sống, việc làm và sinh hoạt của Nhân dân cơ bản ổn định; các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời, góp phần nâng cao mức sống và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Những kết quả nêu trên có được trước hết là do Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, thống nhất; quá trình tổ chức thực hiện bám sát chỉ đạo của Trung ương, có trọng tâm, trọng điểm, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản có ý thức chấp hành, thích ứng tương đối nhanh với yêu cầu nhiệm vụ trong mô hình tổ chức mới. Công tác chuẩn bị về thể chế, phương án tổ chức bộ máy, nhân sự, quy trình bàn giao, tiếp nhận, xử lý công việc được thực hiện bài bản, bảo đảm bộ máy sau sắp xếp vận hành cơ bản thông suốt.

## **2. Hạn chế, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)**

### **2.1. Hạn chế**

- Địa bàn rộng, hạ tầng kinh tế xã hội ở một số xã chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số.

- Thiết bị công nghệ thông tin; phủ sóng mạng di động một số xã còn hạn chế và thiếu.

- Năng lực, trình độ của một số cán bộ, công chức (trước đây là cán bộ, công chức cấp xã cũ) còn chưa đồng đều, chưa kịp thích ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

## **2.2. Nguyên nhân**

- Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là mô hình mới, nên vừa thực hiện, vừa tổng kết rút kinh nghiệm; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã không đồng đều; một số thủ tục hành chính chưa được đơn giản hóa, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, xây dựng.

- Cán bộ chuyên môn tham mưu cấp xã mới được phân công đảm nhiệm nhiệm vụ mới (đa ngành, đa lĩnh vực) do đó trong một số trường hợp cần thời gian hỗ trợ của cấp tỉnh nhiều hơn.

## **3. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì quá trình triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp một số khó khăn, cụ thể:

- Hạ tầng số chưa đồng bộ: Một số địa bàn vùng sâu, vùng xa hạ tầng viễn thông, internet còn khó khăn nên ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; thiết bị công nghệ thông tin tại một số xã cấu hình thấp chưa được đầu tư thay thế. Cơ sở dữ liệu dùng chung chưa đồng bộ, các cơ quan đảng sử dụng cơ sở dữ liệu tại Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan chính quyền sử dụng cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học có trình độ về các lĩnh vực then chốt (công nghệ số, đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin mạng) thiếu.

- Trung ương chưa giao biên chế năm 2026 và giai đoạn 2026-2031 nên tỉnh chưa chủ động được việc giao, sử dụng biên chế, xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế.

- Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Điều kiện sinh hoạt và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế như: Nhà công vụ, trụ sở làm việc,...

## **4. Bài học kinh nghiệm**

- *Thứ nhất*, phát huy vai trò, sự quyết tâm chính trị và lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc chủ động, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Trung ương; gắn với thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền phổ biến để nâng cao nhận thức, làm tốt công tác tư tưởng và phát huy trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trong hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, đặc biệt là hệ thống chính trị cấp cơ sở.

- *Thứ hai*, bám sát các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy để kịp thời chỉ đạo, quán triệt, thực hiện, cụ thể hóa, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn; thường xuyên rà soát, đôn đốc và phối hợp kịp thời chỉ đạo giải quyết

những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Thứ ba*, quá trình giao, thực hiện nhiệm vụ cần cụ thể hóa nhiệm vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” là yếu tố quan trọng. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- *Thứ tư*, đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về thể chế, khơi thông nguồn lực; gắn phát triển kinh tế với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- *Thứ năm*, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ, động viên, khích lệ đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo động lực làm việc, bảo đảm sự ổn định về tâm lý, tư tưởng và yên tâm công tác, từ đó nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay.

## V- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

1. Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội 14 của Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị, các chủ trương, định hướng mới của Trung ương, của tỉnh, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; các nội dung, nhiệm vụ được quán triệt, thực hiện nghiêm túc trên tinh thần “06 rõ”: Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; đổi mới mạnh mẽ tư duy từ “học tập, quán triệt” sang “hiểu sâu - hành động đúng - làm đến cùng”; trong từng bước triển khai và phải quyết liệt, sâu sát trong lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện với kết quả, sản phẩm cụ thể là thước đo theo phương châm: “Phải có sản phẩm, kết quả cụ thể, làm đến đâu dứt điểm đến đó, đồng thời phải có tầm nhìn trong lãnh đạo, điều hành nhiệm vụ địa phương về quy hoạch, mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững”.

2. Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, chính quyền cơ sở; đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo, điều hành theo hướng sâu sát, thực chất, hiệu quả. Đội ngũ lãnh đạo cấp xã phải nắm chắc tình hình, chủ động trong xử lý công việc; phát huy vai trò nêu gương, gần dân, sát dân, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống.

3. Tiếp tục rà soát, đề xuất phương án và triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nhất là lĩnh vực giáo dục, y tế theo chỉ đạo tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương.

4. Rà soát, thực hiện việc sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố, đồng thời sắp xếp lại các tổ chức đảng tương ứng theo Hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với thực tế tại tỉnh Điện Biên.

5. Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nhất là về nghiệp vụ chuyên môn sâu (tài chính, kế toán, địa chính, công nghệ thông tin...), cập nhật kiến thức thường

xuyên trong thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới.

6. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với giao nguồn lực nhằm nâng cao tính chủ động của từng cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc thuộc thẩm quyền; kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

7. Hoàn thành phương án sắp xếp lại trụ sở, tài sản công, trung tâm hành chính công theo quy định và đề xuất sử dụng trụ sở, tài sản dôi dư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Ưu tiên bố trí kinh phí, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các trường học nhằm đảm bảo nhu cầu dạy và học của địa phương.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57- NQ/TW; tập trung hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng rà soát, cắt giảm tối đa quy trình trong nội bộ, rút ngắn thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ; tập trung chuyển đổi số, chuẩn hóa quy trình công việc, bảo đảm giải quyết nhanh gọn, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

9. Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, khắc phục tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất trên địa bàn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để cấp xã triển khai thực hiện.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chỉ đạo sát sao, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nắm bắt thường xuyên tình hình thực tế tại địa phương nhằm kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện, đặc biệt là đối với các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

11. Nghiên cứu, triển khai các giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị của cấp xã, trong đó:

- Tiếp tục tăng cường hoạt động Tổ công tác chuyên môn cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho cấp xã.

- Xác định hạ tầng số là hạ tầng quản trị cốt yếu; ưu tiên đầu tư nâng cấp đường truyền số liệu, đồng bộ hệ thống điều hành và nền tảng số phục vụ hoạt động của chính quyền cơ sở.

## **VI- KIẾN NGHỊ**

### **1. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương**

Tham mưu, trình Bộ Chính trị giao biên chế năm 2026 và giai đoạn 2026-2031 để địa phương có cơ sở thực hiện quản lý, sử dụng và xây dựng Kế hoạch tỉnh giản biên chế giai đoạn. Đồng thời, xây dựng và triển khai thống nhất hệ thống phần

mềm quản lý bộ máy, biên chế và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị. Hệ thống cần bảo đảm kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa khối Đảng và khối Nhà nước; giữa Trung ương và địa phương; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, theo dõi, đánh giá, quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ.

## 2. Đề nghị Chính phủ

Quan tâm, ưu tiên nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng thiết yếu, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nền tảng chính phủ số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung. Chỉ đạo các Tập đoàn viễn thông để nhanh tiến độ kế hoạch đồng bộ nâng cấp thiết bị, xóa điểm lốm sổng viễn thông di động, đường truyền mạng.

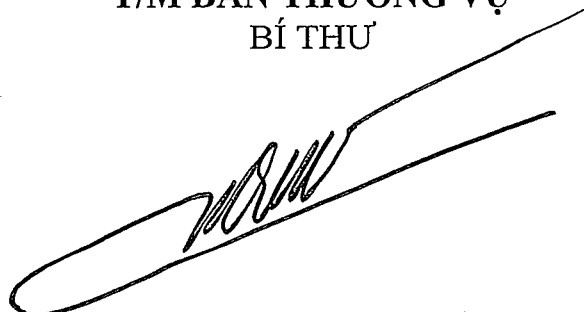
Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện thể chế, khắc phục chồng chéo giữa các luật, như: Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15; Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi,...; đồng bộ hóa phần mềm chỉ đạo điều hành bảo đảm khả năng kết nối chia sẻ thông tin Khối Đảng, Nhà nước và MTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

### Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo)
- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Trần Tiến Dũng**

**Biểu 1B****KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

TT	Nội dung	Tổng số lượng	Trong đó chia theo cấp tham gia tập huấn, quản triệt/đối tượng được kiểm tra giám sát		
			Cấp tỉnh	Cấp xã	Cả cấp tỉnh và cấp xã
<b>I</b>	<b>Công tác quản triệt, tuyên truyền</b>				
1	Hội nghị quản triệt	8	24	264	282
2	Lớp tập huấn	12	7	1	4
3	Hình thức khác	7	7		
<b>II</b>	<b>Công tác kiểm tra, giám sát</b>	0			
1	Số cuộc kiểm tra	97	24	73	79
2	Số cuộc giám sát	69	9	60	63

(1) Tính theo số lượng hội nghị, lớp tập huấn và chia ra theo các đối tượng tham gia.

(2) Tính theo số cuộc kiểm tra, giám sát và chia ra theo đối tượng được kiểm tra, giám sát của từng cuộc.

**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ,  
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	<b>Cấp uỷ cấp tỉnh</b>				
1	Thông báo	1768-TB/TU	27/08/2025	Thông báo chủ trương đổi tên, sắp xếp các cơ sở giáo dục khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp	
2	Thông báo	1744-TB/TU	14/8/2025	Thông báo chủ trương thực hiện quy trình kiện toàn các chức danh còn thiếu của 45 xã, phường	
3	Kế hoạch	17-KH/BCĐ	28/08/2025	về truyền thông thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả	
4	Kế hoạch	251-KH/TU	01/10/2025	về triển khai ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử”	
5	Kế hoạch	254-KH/TU	09/10/2025	về triển khai thực hiện Quy định số 338-QĐ/TW về thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử	
6	Quy định	45-QĐ/TU	28/08/2025	về gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và Internet	
7	Quy định	09-QĐ/TU	23/12/2025	về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng	
8	Quy định	10-QĐ/TU	23/12/2025	về cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ	
9	Quy định	47-QĐ/TU	26/09/2025	chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	
10	Quy định	48-QĐ/TU	26/09/2025	chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy	
11	Quy định	49-QĐ/TU	26/09/2025	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
12	Quy định	50-QĐ/TU	26/09/2025	chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Ban Nội chính Tỉnh ủy	
13	Quy định	51-QĐ/TU	26/09/2025	chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
14	Quy định	01-QĐ/TU	28/11/2025	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy mối quan hệ công tác của Cơ quan Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên	
15	Quy định	02-QĐ/TU	09/12/2025	Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Điện Biên	
16	Quy định	03-QĐ/TU	12/12/2025	Về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.	
17	Quy định	04-QĐ/TU	13/12/2025	Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	
18	Quy định	05-QĐ/TU	13/12/2025	Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Quy định	06-QĐ/TU	14/12/2025	Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên	
20	Quy định	07-QĐ/TU	22/12/2025	Quy định về trách nhiệm và phân công cấp ủy viên cấp tỉnh; lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy dự sinh hoạt chi bộ	
21	Quy định	09-QĐ/TU	23/12/2025	Quy định về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
22	Quy định	10-QĐ/TU	23/12/2025	Quy định về cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ tại các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
23	Quy định	13-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định về sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
24	Quy định	14-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định về phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Đảng ủy Tòa án nhân dân tỉnh trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp	
25	Quy định	15-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định về phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp (bản đổi lại)	
26	Quy định	16-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định về phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với đảng ủy các xã, phường trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp	
27	Quy định	17-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách tư pháp và công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng	
28	Quy định	18-QĐ/TU	27/01/2026	Quy định phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp	
29	Quy định	20-QĐ/TU	26/02/2026	Quy định về việc cung cấp thông tin cho báo chí sau các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	
30	Quy định	21.-QĐ/TU	27/02/2026	Quy định về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy	
31	Quy định	22-QĐ/TU	28/02/2026	Quy định về nguyên tắc chỉ định tăng thêm, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, chế độ, chính sách của cấp ủy viên là cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp ủy xã biên giới trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
32	Quy định	23-QĐ/TU	28/02/2026	Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trước hết là ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành cấp ủy các cấp, lãnh đạo, quản lý các cấp trong Đảng bộ tỉnh	
33	Quy định	24-QĐ/TU	28/02/2026	Quy định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
34	Quy định	25-QĐ/TU	15/03/2026	Quy định về phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với Đảng ủy Quân sự tỉnh Điện Biên trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp	
35	Quy định	26-QĐ/TU	18/03/2026	Quy định về tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức và người có công với cách mạng khi từ trần trên địa bàn tỉnh	
36	Quy định	27-QĐ/TU	18/03/2026	Quy định về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, chế độ nghỉ dưỡng, thăm hỏi đối với một số chức danh cán bộ, đối tượng chính sách (bản đổi lại)	
37	Quy định	30.-QĐ/TU	07/05/2026	Quy định về đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Quy định	31-QĐ/TU	11/05/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chi bộ thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	
39	Quy chế	32-QĐ/TU	12/05/2026	Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản; quyết định đơn vị mua sắm tập trung tại cơ quan, đơn vị của Đảng ở cấp tỉnh	
40	Công văn	2593-CV/TU	03/07/2026	về việc triển khai hướng dẫn bảo đảm kinh phí hoạt động của đảng ủy xã, phường thành lập mới.	
41	Công văn	2612-CV/TU	08/07/2025	về việc đẩy nhanh tiến độ chỉnh lý, số hóa và giao nộp tài liệu về Lưu trữ Lịch sử Đảng ở cấp	
42	Công văn	2629-CV/TU	14/07/2025	về việc triển khai phần mềm Theo dõi tiến trình Đại hội đảng các cấp trên ứng dụng VNeID	
43	Công văn	2630-CV/TU	15/07/2025	về việc triển khai thực hiện Thông báo số 35-TB/TGV	
44	Công văn	2639-CV/TU	16/07/2025	về việc cung cấp số liệu phục vụ báo cáo, thống kê nhiệm vụ chuyển đổi số và số hóa hồ sơ ngành Kiểm tra Đảng	
45	Công văn	2644-CV/TU	18/07/2025	về việc kiểm tra bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật	
46	Công văn	2667-CV/TU	24/07/2025	về việc đề nghị triển khai phần mềm Theo dõi tiến trình đại hội đảng trên ứng dụng VNeID	
47	Quy định	44-QĐ/TU	28/07/2025	về một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh và đảng ủy xã, phường.	
48	Công văn	2733-CV/TU	14/08/2025	về việc báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW	
49	Công văn	2763-CV/TU	26/08/2025	về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 168-KH/VPTW	
50	Công văn	1949-CV/TU	09/09/2025	về bàn giao tài liệu kế toán của đơn vị sau khi hợp nhất, chấm dứt hoạt động.	
51	Công văn	2800-CV/TU	13/09/2025	về việc triển khai thực hiện Thông báo số 43-TB/TGV	
52	Công văn	2823-CV/TU	17/09/2025	về việc cử đầu mối quản trị phần mềm giám sát chủ trương của Đảng	
53	Công văn	2863-CV/TU	03/10/2025	về việc triển khai thực hiện Thông báo số 46-TB/TGV	
54	Công văn	290-CV/TU	10/01/2026	ngày 10/01/2026 về việc sử dụng phần mềm và số hóa lưu trữ, xử lý hồ sơ điện tử	
55	Công văn	10-CV/TU	23/10/2025	về việc triển khai sử dụng phần mềm giám sát thường xuyên	
56	Công văn	20-CV/TU	23/10/2025	về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 04-KH/CQTTBCĐ	
57	Công văn	80-CV/TU	07/11/2025	về việc triển khai thực hiện Thông báo số 52-TB/TGV	
58	Công văn	102-CV/TU	14/11/2025	về việc đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW	
59	Công văn	116-CV/TU	18/11/2025	về việc bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu	
60	Công văn	129-CV/TU	21/11/2025	về việc tiếp tục chỉnh lý, số hóa tài liệu	
61	Công văn	123-CV/TU	29/11/2025	về việc tập huấn hệ thống theo dõi nghị quyết	
62	Công văn	197-CV/TU	06/12/2025	về việc triển khai chỉ đạo của Tổng Bí thư	
63	Công văn	211-CV/TU	08/12/2025	về việc tập huấn chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên	
64	Công văn	216-CV/TU	09/12/2025	về việc triển khai Thông báo số 54-TB/TGV	
65	Công văn	221-CV/TU	10/12/2025	về việc báo cáo công tác bảo đảm an ninh mạng	
66	Công văn	268-CV/TU	24/12/2025	về việc triển khai thu, nộp đảng phí trên Cổng DVCQG	
67	Công văn	274-CV/TU	26/12/2025	về việc làm sạch dữ liệu đảng viên	
68	Công văn	293-CV/TU	30/12/2025	về việc triển khai Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ	
69	Công văn	314-CV/TU	07/01/2026	về việc triển khai Thông báo số 05-TB/CQTTBCĐ	
70	Công văn	323-CV/TU	09/01/2026	về hướng dẫn, triển khai thực hiện quy định về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính Đảng.	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
71	Công văn	355-CV/TU	15/01/2026	về việc triển khai Quy chế số 09-QC/TW	
72	Công văn	386-CV/TU	25/01/2026	về việc hướng dẫn 4 thủ tục hành chính điện tử	
73	Công văn	418-CV/TU	05/02/2026	về việc triển khai Kế hoạch số 17-KH/BCĐ	
74	Công văn	440-CV/TU	13/02/2026	về việc giám sát thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW	
75	Công văn	529-CV/TU	16/03/2026	về việc thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư	
76	Công văn	2596-CV/TU	04/07/2025	Về việc thực hiện Kết luận số 174-KL/TW, ngày 04/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số nhiệm vụ tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả	
77	Công văn	2625-CV/TU	11/07/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 176-KL/TW, ngày 04/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của tổ chức cơ sở đảng thời gian tới	
78	Công văn	2632-CV/TU	15/07/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 177-KL/TW, ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả	
79	Công văn	2665-CV/TU	23/07/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 178-KL/TW, ngày 17/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo đảm tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính 2 cấp hoạt động thông suốt, hiệu quả	
80	Công văn	2690-CV/TU	30/07/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 179-KL/TW, ngày 25/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hoàn thiện tổ chức bộ máy và hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	
81	Công văn	2699-CV/TU	05/08/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 183-KL/TW, ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh	
82	Công văn	2774-CV/TU	28/08/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 185-KL/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	
83	Công văn	2783-CV/TU	05/09/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 186-KL/TW, ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
84	Công văn	2783-CV/TU	15/12/2025	Về việc triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
85	Công văn	64-CV/TU	03/11/2025	Thực hiện Kết luận số 201-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả công tác đại hội đảng bộ trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2025-2030 và một số nhiệm vụ thời gian tới	
86	Công văn	63-CV/TU	03/11/2025	Thực hiện Kết luận số 202-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
87	Công văn	93-CV/TU	12/11/2025	Thực hiện Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ	
88	Công văn	134-CV/TU	21/11/2025	Thực hiện Kết luận số 208-KL/TW, ngày 11/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước	
89	Công văn	131-CV/TU	21/11/2025	Thực hiện Kết luận số 212-KL/TW, ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị	
90	Công văn	133-CV/TU	21/11/2025	Thực hiện Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới	
91	Công văn	171-CV/TU	30/11/2025	Thực hiện Kết luận số 221-KL/TW, ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
92	Công văn	174-CV/TU	30/11/2025	Về vị trí việc làm; đề xuất biên chế giai đoạn 2026-2031	
93	Công văn	180-CV/TU	01/12/2025	Triển khai thực hiện Quyết định số 1147- QĐ/BTGDVTW, ngày 01/12/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương ban hành Quy chế bồi dưỡng, giảng dạy của trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu	
94	Công văn	201-CV/TU	05/12/2025	Về nghiên cứu, đề xuất sắp xếp lại tổ chức bộ máy	
95	Công văn	240-CV/TU	16/12/2025	Thực hiện Kết luận số 222-KL/TW, ngày 02/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW	
96	Công văn	254-CV/TU	19/12/2025	Về đề xuất phương án sắp xếp lại mô hình hoạt động ngành Tài chính tỉnh.	
97	Công văn	271-CV/TU	25/12/2025	Về tiếp tục thực hiện Kết luận số 202-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị về kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp	
98	Công văn	306-CV/TU	05/01/2026	Triển khai Kết luận số 228-KL/TW, ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
99	Công văn	318-CV/TU	05/01/2026	Về việc triển khai thực hiện vị trí việc làm của công chức, viên chức cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	
100	Công văn	330-CV/TU	10/01/2026	Báo cáo tiến độ, kết quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
101	Công văn	371-CV/TU	17/01/2026	Triển khai, thực hiện Kết luận số 229-KL/TW, ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, đảm bảo sắp xếp mô hình tổ chức đảng đồng bộ, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	
102	Công văn	403-CV/TU	30/01/2026	Triển khai một số nội dung Kết luận số 228-KL/TW, ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng	
103	Công văn	473-CV/TU	03/02/2026	Triển khai một số nội dung Kết luận số 234-KL/TW, ngày 10/01/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng	
104	Công văn	517-CV/TU	13/3/2026	Báo cáo số liệu biên chế có mặt của tỉnh Điện Biên	
105	Công văn	554-CV/TU	17/3/2026	Triển khai Kết luận số 232- KL/TW, ngày 08/01/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	
106	Công văn	556-CV/TU	19/3/2026	Báo cáo tình hình địa phương Quý I/2026	
107	Công văn	571-CV/TU	23/3/2026	Triển khai, thực hiện Quyết định số 09-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng	
108	Công văn	606-CV/TU	28/3/2026	Tiếp tục triển khai thực hiện Thông báo số 21-TB/VPTW, ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng	
109	Công văn	608-CV/TU	29/3/2026	V/v rà soát, đề xuất biên chế năm 2026 và giai đoạn 2026-2031	
110	Công văn	667-CV/TU	09/4/2026	Về rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí đối với cán bộ cấp xã	
111	Công văn	676-CV/TU	17/4/2026	V/v thực hiện chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã, phường	
112	Công văn	770-CV/TU	04/5/2026	V/v kiện toàn bộ trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã kiêm nhiệm	
113	Công văn	780-CV/TU	04/5/2026	V/v phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở giai đoạn 2026-2031	
114	Công văn	792-CV/TU	07/5/2026	V/v đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh	
115	Công văn	856-CV/TU	18/05/2026	Về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp tinh gọn tổ chức bên trong	
116	Công văn	860-CV/TU	19/05/2026	Về tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, xử lý tình huống thực tiễn đối với đội ngũ cán bộ cơ sở	
117	Công văn	878-CV/TU	21/05/2026	V/v sơ kết 01 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
118	Kế hoạch	55-KH/TU	22/5/2026	Kế hoạch về sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
<b>II</b>	<b>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</b>				
1	Công văn	139//TTHĐND-VP	26/04/2025	V/v hướng dẫn tổ chức kỳ họp thứ nhất HĐND cấp xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026 hình thành sau sắp xếp	
2	Nghị quyết	25/NQ-TTHĐND	29/11/2025	Nghị quyết số lượng Phó Trưởng Ban HĐND cấp xã và bố trí Phó Trưởng ban HĐND cấp xã hoạt động chuyên trách	
3	Công văn	11/TTHĐND-PC	11/01/2026	V/v thông báo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND tỉnh ban hành giai đoạn 2004-2025	
4	Kế hoạch	07/KH-TTHĐND	08/01/2026	Giám sát công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	
5	Công văn	64/TTHĐND-VP	05/03/2026	V/v triển khai thực hiện Kết luận số 03-KL/TW, ngày 23/02/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Công văn số 163/HĐBCQG, ngày 27/02/2026 của Hội đồng bầu cử quốc gia	
6	Nghị quyết	96/NQ-TTHĐND	29/04/2026	NGHỊ QUYẾT Công nhận kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân hai cấp tỉnh Điện Biên, nhiệm kỳ 2026-2031	
7	Công văn	138/TTHĐND-VP	15/05/2026	V/v xây dựng báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy HĐND 02 cấp	
8	Công văn	133/TTHĐND-BPC	04/05/2026	V/v triển khai Công văn số 07/BCĐ và hướng dẫn số 06/HD-BCĐ của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>				
1	Công văn	3187/UBND-KT	01/7/2025	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn quy định pháp luật về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	
2	Quyết định	9/2025/QĐ-UBND	01/7/2025	Phân cấp thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
3	Quyết định	1409/QĐ-UBND	02/7/2025	Quyết định về việc ban hành danh mục mã định danh tài liệu, hồ sơ và ký hiệu văn bản hành chính đối với các cơ quan, tổ chức cấp sở, cấp xã hình thành sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2025	
4	Công văn	3191/UBND-KT	02/7/2025	V/v tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn	
5	Công văn	3192/UBND-KT	02/7/2025	Triển khai Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu	
6	Quyết định	1412/QĐ-UBND	02/7/2025	Quyết định Ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030	
7	Công văn	3200/UBND-TH	02/7/2025	V/v hướng dẫn việc quản lý tài khoản, tổ chức lựa chọn nhà thầu nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các cơ quan, tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
8	Công văn	3209/UBND-KT	02/7/2025	Về việc thực hiện quản lý các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh	
9	Công văn	3217/UBND-NC	03/7/2025	V/v rà soát, tham mưu cập nhật đề xuất hỗ trợ kinh phí để số hóa tài liệu lưu trữ của địa phương.	
10	Công văn	3228/UBND-KT	03/07/2025	V/v tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo Kết luận số 171-KL/TW ngày 27/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	
11	Quyết định	1432/QĐ-UBND	04/7/2025	Về việc Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách theo quy định tại các Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ năm 2025.	
12	Công văn	3237/UBND-NC	04/7/2025	V/v triển khai Công văn số 3840/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 27/6/2025 của Bộ Tư pháp	
13	Công văn	3238/UBND-KT	04/7/2025	Về việc triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
14	Công văn	3248/UBND-KT	04/7/2025	Về việc thực hiện sử dụng mã Chương thuộc cấp xã của Mục lục ngân sách nhà nước khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
15	Công văn	3284/UBND-KT	06/7/2025	V/v bố trí kế toán trưởng, phụ trách kế toán cấp xã khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	
16	Công văn	3291/UBND-NC	07/7/2025	Vv triển khai thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế	
17	Công văn	3281/UBND-KT	07/7/2025	V/v thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	
18	Công văn	3306/UBND-KGVX	07/7/2025	V/v triển khai các Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	
19	Công văn	3317/UBND-NC	08/7/2025	V/v rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật	
20	Công văn	3349/UBND-NC	09/7/2025	V/v tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về công tác văn thư lưu trữ trên địa bàn tỉnh.	
21	Công văn	3371/UBND-PVHC	10/7/2025	V/v thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	
22	Kế hoạch	3392/KH-UBND	11/7/2025	Kế hoạch Tổ chức Hội nghị bồi dưỡng triển khai thực hiện tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã	
23	Công văn	3399/UBND-KT	11/7/2025	Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã	
24	Công văn	3407/UBND-NC	11/7/2025	Về việc triển khai thực hiện Nghị định quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh trật tự.	
25	Công văn	3425/UBND-KT	14/7/2025	Về việc thực hiện công tác kế toán, bàn giao, tiếp nhận tài chính, tài sản Quỹ đền ơn đáp nghĩa theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.	
26	Công văn	3437/UBND-KT	14/7/2025	Về việc thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
27	Công văn	3454/UBND-TH	14/7/2025	V/v triển khai thực hiện một số quy định mới trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
28	Công văn	3470/UBND-KT	15/7/2025	V/v tiếp tục chủ động nghiên cứu thực hiện nội dung trả lời kiến nghị phát sinh trong việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Bộ Tài chính	
29	Công văn	3501/UBND-KT	16/7/2025	Tiếp tục thực hiện các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động.	
30	Công văn	3509/UBND-KT	16/7/2025	Về việc hoàn thiện Đề án vị trí việc làm sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
31	Công văn	572/UBND-PVHC	21/7/2025	V/v thực hiện triển khai thí điểm dịch vụ công đối với 06 thủ tục bảo hiểm thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	
32	Công văn	3579/UBND-KT	21/07/2025	V/v tiếp tục khẩn trương triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính	
33	Công văn	3615/UBND-KT	23/7/2025	V/v triển khai văn bản hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong triển khai Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	
34	Công văn	623/UBND-PVHC	23/7/2025	V/v triển khai thực hiện Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện TTHC, CDS	
35	Chỉ thị	3517/CT-UBND	23/7/2025	Chỉ thị về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ tại các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường thuộc tỉnh Điện Biên	
36	Công văn	3639/UBND-TH	23/7/2025	V/v rà soát và chuẩn hóa dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính	
37	Công văn	3643/UBND-NC	23/7/2025	V/v tiếp nhận quyền, nghĩa vụ tổ tụng hành chính và quyền, nghĩa vụ thi hành án hành chính sau sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
38	Quyết định	1619/QĐ-UBND	24/7/2025	Quyết định về việc tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai thực hiện tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã	
39	Công văn	3711/UBND-KT	25/7/2025	Rà soát khó khăn, vướng mắc khi thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần và đề xuất, kiến nghị	
40	Hướng dẫn	3735/HD-UBND	28/7/2025	Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường	
41	Công văn	3738/UBND-KT	28/7/2025	Về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025	
42	Công văn	3752/UBND-TH	28/7/2025	V/v triển khai thực hiện Hướng dẫn số 5329/HD-BNV ngày 20/7/2025 của Bộ Nội vụ	
43	Công văn	3775/UBND-KGVX	29/7/2025	V/v hướng dẫn chức năng nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Y tế thuộc UBND cấp xã.	
44	Công văn	3783/UBND-KT	29/7/2025	V/v tiếp tục tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh	
45	Công văn	3817/UBND-KGVX	30/7/2025	V/v Tăng cường công tác quản lý nhà nước về cho thuê lại lao động trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính	
46	Công văn	3813/UBND-KT	30/7/2025	V/v tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp	
47	Công văn	3820/UBND-KT	30/7/2025	Vv phối hợp triển khai vận hành ổn định tổ chức bộ máy mới của cơ quan thuế các cấp.	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
48	Quyết định	1709/QĐ-UBND	31/7/2025	Về việc giải quyết một số việc hộ tịch	
49	Công văn	3854/UBND-KT	01/08/2025	V/v triển khai thực hiện Kết luận số 178-KL/TW ngày 17/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	
50	Công văn	3876/UBND-KT	04/8/2025	Về việc triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội các cấp	
51	Công văn	3905/UBND-NC	05/8/2025	Về việc tạm giao biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và HĐND, UBND các xã, phường.	
52	Công văn	3947/UBND-NC	06/08/2025	V/v triển khai thực hiện Kết luận số 179-KL/TW ngày 25/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	
53	Kế hoạch	3988/KH-UBND	07/8/2025	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
54	Công văn	016/UBND-PVHC	08/8/2025	V/v rà soát, xử lý vướng mắc trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh	
55	Công văn	4059/UBND-KT	11/8/2025	Về việc kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp.	
56	Công văn	4174/UBND-NC	12/8/2025	Về việc tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trực thuộc UBND cấp xã	
57	Công văn	4228/UBND-NC	12/8/2025	V/v cung cấp thông tin về hiệu lực và tình hình, kế hoạch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản liên quan đến quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức	
58	Công văn	4233/UBND-NC	13/8/2025	Về việc thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
59	Quyết định	43/2025/QĐ-UBND	13/8/2025	Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
60	Công văn	4294/UBND-KT	15/8/2025	V/v chủ động rà soát, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	
61	Công văn	4059/UBND-KT	16/8/2025	Về việc kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp.	
62	Công văn	4323/UBND-NC	17/8/2025	Về việc khẩn trương thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP	
63	Công văn	4343/UBND-TH	18/8/2025	triển khai thực hiện các Công điện của Thủ tướng Chính phủ về tăng trưởng kinh tế năm 2025	
64	Công văn	4461/UBND-NC	23/8/2025	Về việc thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đối với viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện sắp xếp	
65	Công văn	4519/UBND-NC	26/8/2025	Về việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và đào tạo, bồi dưỡng công chức theo Nghị định số 171/2025/NĐ-CP	
66	Quyết định	1912/QĐ-UBND	26/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
67	Công văn	4548/UBND-NC	27/8/2025	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và kiện toàn bộ máy các cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Xây dựng	
68	Công văn	4556/UBND-NC	27/8/2025	Về việc tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới	
69	Công văn	4579/UBND-NC	28/8/2025	Về việc triển khai thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp	
70	Công văn	4586/UBND-NC	28/8/2025	Về việc báo cáo kết quả rà soát, xác định số liệu về diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính tỉnh Điện Biên	
71	Quyết định	1971/QĐ-UBND	29/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Điện Biên	
72	Quyết định	45/2025/QĐ-UBND	29/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	
73	Quyết định	47/2025/QĐ-UBND	30/8/2025	Quyết định quy định một số nội dung về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
74	Công văn	4639/UBND-TH	30/8/2025	V/v tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án tồn đọng kéo dài để triển khai ngay các dự án	
75	Quyết định	48/2025/QĐ-UBND	31/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên	
76	Quyết định	49/2025/QĐ-UBND	31/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên	
77	Quyết định	50/2025/QĐ-UBND	31/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
78	Quyết định	51/2025/QĐ-UBND	31/8/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên	
79	Quyết định	1982/QĐ-UBND	04/9/2025	Quyết định về việc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (giáo viên mầm non) từ hạng II lên hạng I; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức đạt kết quả xét thăng hạng năm 2025	
80	Kế hoạch	4667/KH-UBND	04/9/2025	Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
81	Công văn	676/UBND-PVHC	04/9/2025	V/v nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Bộ chỉ số trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	
82	Công văn	4809/UBND-KT	10/9/2025	Về việc tiếp tục tập trung, tăng cường thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh	
83	Quyết định	53/2025/QĐ-UBND	10/9/2025	Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
84	Công văn	4818/UBND-NC	10/9/2025	V/v triển khai thực hiện Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	
85	Công văn	4860/UBND-KGVX	12/9/2025	V/v triển khai thực hiện hướng dẫn của Bộ VHTTDL về công tác gia đình năm 2026	
86	Quyết định	55/2025/QĐ-UBND	10/9/2025	quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Điện Biên	
87	Quyết định	56/2025/QĐ-UBND	15/9/2025	Quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
88	Công văn	4929/UBND-NC	17/9/2025	V/v triển khai thực hiện Hướng dẫn số 7886/HD-BNV ngày 14/9/2025 của Bộ Nội vụ	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
89	Quyết định	2110/QĐ-UBND	17/9/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh.	
90	Sao y	291/SY	18/9/2025	Tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh	
91	Kế hoạch	4986/KH-UBND	18/9/2025	Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cấp tỉnh, cấp xã thực hiện nhiệm vụ mới được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, năm 202	
92	Công văn	4991/UBND-NC	19/9/2025	V/v rà soát, nghiên cứu đề xuất phương án, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị	
93	Công văn	5054/UBND-NC	22/9/2025	V/v triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước	
94	Công văn	5099/UBND-KT	24/9/2025	Về việc xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh	
95	Công văn	147/UBND-PVHC	25/9/2025	V/v tiếp tục khắc phục tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử tỉnh Điện Biên	
96	Công văn	5150/UBND-NC	26/9/2025	V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW, ngày 09/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương	
97	Công văn	5156/UBND-NC	26/9/2025	v/v tăng cường thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp	
98	Công văn	5161/KH-UBND	26/9/2025	Triển khai thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 20/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm” trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
99	Công văn	5193/UBND-KT	29/9/2025	thực hiện tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.	
100	Công văn	5244/UBND-KT	30/9/2025	V/v triển khai quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương	
101	Quyết định	2269/QĐ-UBND	30/9/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Điện Biên	
102	Công văn	5252/UBND-KT	01/10/2025	V/v triển khai thực hiện Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ	
103	Công văn	5260/UBND-KT	01/10/2025	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	
104	Công văn	5261/UBND-KT	01/10/2025	Triển khai thực hiện Công điện số 179/CĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
105	Công văn	5263/UBND-NC	01/10/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 19-CV/BCĐ của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ (triển khai thực hiện Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư)	
106	Công văn	5266/UBND-TH	01/10/2025	triển khai Công điện số 169/CĐ-TTg ngày 21/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.	
107	Công văn	5271/UBND-NC	01/10/2025	V/v triển khai Công văn số 6050/BTP-BTTP ngày 26/9/2025 của Bộ Tư pháp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	Quyết định	2336/QĐ-UBND	06/10/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ: thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
109	Công văn	5367/UBND-KT	06/10/2025	Về việc triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
110	Quyết định	63/2025/QĐ-UBND	06/10/2025	Quy định phân công, phân cấp về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
111	Công văn	5399/UBND-KT	07/10/2025	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị.	
112	Công văn	5425/UBND-KT	07/10/2025	Về việc hướng dẫn định giá, thẩm định giá đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số	
113	Quyết định	2359/QĐ-UBND	07/10/2025	Về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.	
114	Quyết định	55/2025/QĐ-UBND	10/10/2025	Ban hành quy định phân công, phân cấp về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
115	Công văn	452/UBND-PVHC	08/10/2025	V/v triển khai Công điện số 187/CĐ-TTg ngày 04/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
116	Công văn	5480/UBND-KT	10/10/2025	Triển khai thực hiện Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
117	Công văn	5490/UBND-NC	10/10/2025	V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ	
118	Công văn	5511/UBND-NC	10/10/2025	V/v đánh giá tính khả thi của nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền	
119	Công văn	5531/UBND-TH	10/10/2025	V/v rà soát khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài trên Hệ thống 751	
120	Quyết định	55/2025/QĐ-UBND	10/10/2025	Ban hành quy định phân công, phân cấp về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
121	Công văn	5581/UBND-NC	14/10/2025	V/v đảm bảo nhân sự phục vụ hoạt động của các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
122	Công văn	5637/UBND-KT	17/10/2025	Về việc xử lý số liệu thu – chi ngân sách năm 2025 và chuyển đổi dữ liệu trên hệ thống TABMIS khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.	
123	Công văn	5811/UBND-KT	21/10/2025	Về việc rà soát, tham mưu báo cáo đánh giá tính khả thi của các văn bản QPPL về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền thuộc lĩnh vực tài chính.	
124	Quyết định	2479/QĐ-UBND	21/10/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách thuộc Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên	
125	Quyết định	58/2025/QĐ-UBND	23/10/2025	Phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
126	Quyết định	2496/QĐ-UBND	24/10/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội trên địa bàn tỉnh	
127	Quyết định	2502/QĐ-UBND	24/10/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Điện Biên trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Điện Biên	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
128	Công văn	5954/UBND-KT	28/10/2025	Về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.	
129	Công văn	027/UBND-PVHC	30/10/2025	V/v tăng cường hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
130	Quyết định	78/2025/QĐ-UBND	30/10/2025	Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản; phê duyệt phương án xử lý tài sản và tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên	
131	Quyết định	2558/QĐ-UBND	31/10/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Điện Biên	
132	Công văn	6035/UBND-NC	30/10/2025	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ	
133	Công văn	6181/UBND-NC	05/11/2025	V/v hướng dẫn thực hiện công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp.	
134	Công văn	6197/UBND-NC	05/11/2025	V/v triển khai cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ công chức viên chức theo mô hình tổ chức mới và chính quyền địa phương 02 cấp.	
135	Công văn	6206/UBND-TH	05/11/2025	V/v tổ chức triển khai thực hiện các dự án đã được UBND cấp huyện (trước ngày 01/7/2025) quyết định đầu tư.	
136	Quyết định	2593/QĐ-UBND	05/11/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Điện Biên	
137	Quyết định	34/2025/QĐ-UBND	31/10/2025	Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
138	Công văn	6342/UBND-KT	12/11/2025	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 6/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
139	Quyết định	2620/QĐ-UBND	11/12/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
140	Công văn	6368/UBND-NC	13/11/2025	V/v triển khai thực hiện Công văn số 63-CV/TU ngày 03/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
141	Quyết định	2629/QĐ-UBND	14/11/2025	Về việc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng V và tương đương lên hạng IV và tương đương; từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (giáo viên mầm non thuộc nhóm lương A1 trở xuống) từ hạng III lên hạng II	
142	Quyết định	2632/QĐ-UBND	14/11/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên	
143	Công văn	6412/UBND-KT	15/11/2025	Về việc triển khai thực hiện Công điện 213/CD-TTg ngày 11/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	
144	Quyết định	86/2025/QĐ-UBND	18/11/2025	Quy định về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
145	Quyết định	2673/QĐ-UBND	18/11/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Điện Biên	
146	Quyết định	2674/QĐ-UBND	18/11/2025	Về việc kết thúc hoạt động 05 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp các xã, phường	
147	Quyết định	2677/QĐ-UBND	18/11/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Điện Biên	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
148	Quyết định	87/2025/QĐ-UBND	18/11/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định phân cấp, ủy quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt ban hành Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
149	Công văn	6856/UBND-NC	02/12/2025	Vv triển khai Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ	
150	Công văn	6874/KH-UBND	03/12/2025	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 21/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
151	Công văn	6875/UBND-NC	03/12/2025	V/v triển khai Kết luận số 212-KL/TW, ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng	
152	Quyết định	2753/QĐ-UBND	03/12/2025	Về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp nhận đội viên 500 tri thức trẻ vào làm công chức cấp xã và các đối tượng vào làm công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	
153	Quyết định	2754/QĐ-UBND	03/12/2025	Về việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đội viên 500 tri thức trẻ vào làm công chức cấp xã và tiếp nhận các đối tượng đủ điều kiện vào làm công chức Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	
154	Công văn	6890/UBND-KT	04/12/2025	V/v Sắp xếp, kiện toàn tổ chức khai thác công trình thủy lợi phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	
155	Công văn	6907/UBND-NC	04/12/2025	V/v triển khai Kết luận số 221-KL/TW, ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
156	Công văn	6908/KH-UBND	04/12/2025	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 166-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” trong tình hình mới	
157	Công văn	7076/UBND-NC	11/12/2025	V/v triển khai xây dựng Đề án, Phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	
158	Quyết định	2834/QĐ-UBND	12/12/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên	
159	Quyết định	88/2025/QĐ-UBND	15/12/2025	Quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
160	Công văn	7182/UBND-KT	15/12/2025	Về việc triển khai hướng dẫn trao đổi, hỗ trợ trực tuyến qua Hệ thống trao đổi thông tin Chính phủ Trios trên địa bàn tỉnh	
161	Quyết định	2842/QĐ-UBND	15/12/2025	Về việc giao thực hiện hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, năm học 2025 - 2026	
162	Công văn	7308/UBND-KT	18/12/2025	Về việc triển khai Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030.	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
163	Quyết định	2887/QĐ-UBND	19/12/2025	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Điện Biên	
164	Công văn	7466/UBND-NC	24/12/2025	V/v triển khai xây dựng phương án sắp xếp lại mô hình hoạt động ngành Tài chính tỉnh	
165	Quyết định	2960/QĐ-UBND	26/12/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Điện Biên	
166	Công văn	7577/UBND-TH	28/12/2025	V/v cập nhật, báo cáo kết quả xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài	
167	Quyết định	2977/QĐ-UBND	29/12/2025	Về việc gia hạn thời gian ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
168	Quyết định	06/2025/QĐ-UBND	29/12/2025	Phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
169	Kế hoạch	7614/KH-UBND	29/12/2025	Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
170	Quyết định	03/2025/QĐ-UBND	29/12/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
171	Công văn	7649/UBND-KT	30/12/2025	V/v tiếp tục rà soát, thống nhất kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
172	Quyết định	04/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Quy định phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên	
173	Quyết định	09/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Phân cấp thẩm quyền quyết định trong trường hợp cần thiết bổ sung máy móc, thiết bị hoặc các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; thẩm quyền quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
174	Quyết định	100/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
175	Quyết định	04/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Về việc ban hành Quyết định Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
176	Quyết định	06/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Điện Biên	
177	Quyết định	07/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Quy định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung, số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên	
178	Quyết định	10/2025/QĐ-UBND	31/12/2025	Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh.	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
179	Công văn	93/UBND-NC	06/01/2026	V/v tiếp tục thực hiện Kết luận số 202-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị về kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp	
180	Quyết định	02/2026/QĐ-UBND	06/01/2026	Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
181	Công văn	82/UBND-NC	06/01/2026	V/v triển khai Nghị định số 355/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ	
182	Công văn	93/UBND-NC	06/01/2026	V/v tiếp tục thực hiện Kết luận số 202-KL/TW, ngày 31/10/2025 của Bộ Chính trị về kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp	
183	Công văn	96/UBND-NC	06/01/2026	V/v triển khai Kết luận số 228-KL/TW, ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
184	Công văn	126/UBND-NC	07/01/2026	V/v đề nghị tăng cường, biệt phái công chức, viên chức giúp cấp xã thực hiện công tác bầu cử	
185	Công văn	135/UBND-NC	07/01/2026	V/v triển khai thực hiện Thông báo số 141-TB/TU ngày 28/12/2025 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương Phương án sắp xếp, tinh gọn, hợp nhất các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ	
186	Công văn	204/UBND-NC	09/01/2026	V/v triển khai xây dựng Đề án thành lập Ban quản lý cửa khẩu trên địa bàn tỉnh	
187	Quyết định	70/QĐ-UBND	12/01/2026	Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
188	Quyết định	05/2026/QĐ-UBND	13/01/2026	Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
189	Công văn	816/UBND-TH	02/02/2026	V/v triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài	
190	Công văn	829/UBND-KT	02/02/2026	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân trong tình hình mới.	
191	Công văn	912/UBND-NC	04/02/2026	V/v triển khai một số nội dung Kết luận số 228-KL/TW, ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp	
192	Công văn	930/UBND-NC	04/02/2026	V/v lập hồ sơ nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND và các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031	
193	Quyết định	14/2026/QĐ-UBND	07/02/2026	Quy định quản lý và phân cấp quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
194	Quyết định	269/QĐ-UBND	07/02/2026	Về việc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương trở xuống thuộc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
195	Quyết định	287/QĐ-UBND	10/02/2026	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên	
196	Công văn	1179/UBND-KT	13/02/2026	Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	
197	Công văn	1203/UBND-KT	13/02/2026	Về việc tiếp tục tăng cường thực hiện quản lý dân cư và công tác bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
198	Công văn	1297/UBND-NC	24/02/2026	V/v rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
199	Quyết định	345/QĐ-UBND	26/02/2026	Về việc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng II lên hạng I thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
200	Quyết định	369/QĐ-UBND	03/3/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	
201	Công văn	1726/UBND-KT	11/3/2026	Về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác, tài sản công	
202	Quyết định	19/2026/QĐ-UBND	13/3/2026	Phân cấp thẩm quyền thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
203	Quyết định	20/2026/QĐ-UBND	16/3/2026	Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
204	Công văn	1985/UBND-NC	19/3/2026	V/v thành lập Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp xã; điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã	
205	Quyết định	459/QĐ-UBND	20/3/2026	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	
206	Công văn	2176/UBND-KT	25/3/2026	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 13/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
207	Quyết định	497/QĐ-UBND	26/3/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên	
208	Quyết định	499/QĐ-UBND	26/3/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học tỉnh Điện Biên	
209	Kế hoạch	2235/KH-UBND	27/3/2026	Triển khai thực hiện Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức	
210	Quyết định	22/2026/QĐ-UBND	30/3/2026	Quy định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
211	Công văn	2300/UBND-NC	30/3/2026	V/v hướng dẫn thực hiện hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
212	Công văn	2301/UBND-NC	30/3/2026	V/v kiện toàn, sắp xếp, bố trí đội ngũ công chức tư pháp cấp xã.	
213	Công văn	2435/UBND-KT	02/4/2026	Về việc đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính	
214	Quyết định	698/QĐ-UBND	03/4/2026	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong các lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
215	Công văn	2473/UBND-NC	03/4/2026	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 24/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035"	
216	Công văn	2474/UBND-NC	03/4/2026	V/v triển khai Thông tư số 17/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
217	Công văn	2480/UBND-KGVX	03/4/2026	Triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong các chương trình, dự án kinh tế xã hội theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của BCĐ Trung ương.	
218	Công văn	2499/UBND-KT	03/4/2026	Thực hiện kế hoạch tổ chức triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trong năm 2026.	
219	Công văn	2597/UBND-NC	07/4/2026	V/v sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với công chức cấp xã do tổ chức lại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	
220	Công văn	2639/UBND-NC	08/4/2026	V/v Phương án sắp xếp nhân sự, điều chỉnh số lượng người làm việc các Ban Quản lý dự và Phát triển quỹ đất khu vực, Ban Quản lý dự án chuyên ngành và Trung tâm Phát triển quỹ đất	
221	Công văn	2689/UBND-KT	09/4/2026	Triển khai thực hiện Quyết định số 608 ngày 03/4/2026 và Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ	
222	Quyết định	01/2026/QĐ-CTUBND	09/4/2026	Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên	
223	Công văn	888/UBND-PVHC	15/4/2026	V/v rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
224	Công văn	2914/UBND-NC	15/4/2026	V/v triển khai Thông báo số 432-TB/TU ngày 04/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương sắp xếp tinh gọn và chuyển các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ sang Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
225	Công văn	2932/UBND-KT	16/4/2026	Về việc tiếp tục rà soát, tổng hợp báo cáo khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp.	
226	Công văn	3029/UBND-NC	19/4/2026	V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ	
227	Công văn	3030/UBND-NC	19/4/2026	V/v triển khai thực hiện rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí đối với cán bộ cấp xã	
228	Công văn	3075/UBND-NC	20/4/2026	Về việc rà soát, thành lập đơn vị hành chính đô thị	
229	Quyết định	844/QĐ-UBND	20/4/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Điện Biên	
230	Quyết định	849/QĐ-UBND	21/4/2026	Số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
231	Quyết định	27/2026/QĐ-UBND	23/4/2026	Phân cấp quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
232	Công văn	3210/UBND-NC	23/4/2026	V/v rà soát, xử lý khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các quy định pháp luật	
233	Công văn	3233/UBND-NC	24/4/2026	V/v rà soát hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí đối với cán bộ, công chức	
234	Công văn	3274/UBND-NC	24/4/2026	V/v rà soát, đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi trên địa bàn	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
235	Công văn	3289/UBND-NC	25/4/2026	V/v tiếp tục đánh giá tính khả thi và hiệu quả của nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương	
236	Công văn	3408/UBND-NC	29/4/2026	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 706-QĐ/TTg ngày 24/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp	
237	Công văn	505/UBND-PVHC	05/5/2026	V/v triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh.	
238	Kế hoạch	3536/KH-UBND	05/5/2026	Kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh	
239	Công văn	3537/UBND-NC	05/5/2026	V/v triển khai Đề án tăng cường bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, đặc khu.	
240	Quyết định	935/QĐ-UBND	06/5/2026	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế giải quyết thủ tục hành chính Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt, thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
241	Quyết định	942/QĐ-UBND	07/5/2026	Về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đối với thửa đất/khu đất thuộc trường hợp xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	
242	Công văn	3654/UBND-NC	09/5/2026	V/v rà soát, tham mưu đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền	
243	Công văn	3655/UBND-NC	09/5/2026	V/v triển khai thực hiện Thông báo số 454-TB/TU ngày 17/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đảm bảo nhân lực cho hoạt động của cấp xã	
244	Công văn	3707/UBND-TH	11/5/2026	V/v tiếp tục rà soát, phân loại, xử lý các công trình, dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài	
245	Công văn	3716/UBND-KGVX	11/5/2026	Triển khai thực hiện hướng dẫn tạm thời của Bộ Khoa học và Công nghệ về tiêu chí, quy trình đối với việc đầu tư, chi ngân sách nhà nước cho các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
246	Quyết định	34/2026/QĐ-UBND	12/5/2026	Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
247	Công văn	3722/UBND-KT	12/5/2026	Về việc thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính về nội dung, mức chi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	
248	Công văn	3732/UBND-TH	12/5/2026	V/v chủ động rà soát, báo cáo các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước	
249	Công văn	3741/UBND-KT	12/5/2026	Về việc triển khai Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp và văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về trồng rừng thay thế	
250	Công văn	3752/UBND-KGVX	12/5/2026	V/v tiếp tục triển khai Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ	
251	Công văn	3757/UBND-NC	13/5/2026	V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới	
252	Công văn	3761/UBND-KT	13/5/2026	Triển khai thực hiện Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 29/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	
253	Công văn	3766/UBND-NC	13/5/2026	V/v triển khai Công văn số 3130/BTP-CNTT ngày 09/5/2026 của Bộ Tư pháp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
254	Công văn	3767/UBND-NC	13/5/2026	V/v báo cáo tình hình xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy	
255	Công văn	3805/UBND-NC	13/5/2026	V/v triển khai thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ	
256	Quyết định	994/QĐ-UBND	14/5/2026	Quyết định Về việc phân loại đơn vị hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
257	Công văn	3826/UBND-KGVX	14/5/2026	Triển khai thực hiện công văn số 4328/VPCP-KTTH ngày 13/5/2026 của Văn phòng Chính phủ	
258	Công văn	3836/UBND-KT	14/5/2026	Về việc tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	
259	Công văn	3884/UBND-TH	16/5/2026	V/v tiếp tục đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
260	Công văn	3901/UBND-TH	18/05/2026	V/v rà soát, báo cáo tình hình phát triển đô thị sau 01 năm sắp xếp ĐVHC	
261	Công văn	3906/UBND-NC	18/05/2026	V/v rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí đối với công chức cấp xã	
262	Công văn	3918/UBND-KT	18/05/2026	Về việc đẩy nhanh tiến độ khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp	
<b>IV</b>	<b>Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh</b>				
1	Công văn	699/MTTQ-BTT	04/7/2025	Công văn về việc tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau sắp xếp tổ chức bộ máy	
2	Báo cáo	190/BC-MTTQ-BTT	08/7/2025	Báo cáo kết quả thực hiện công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức tình hình hoạt động của MTTQ các tổ chức Chính trị xã hội, xã, phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
3	Báo cáo	12/BC-MTTQ-BTT	25/07/2025	Báo cáo kết quả thực hiện công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội, các Hội quần chúng do Đảng nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ 08-25/7/2025	
4	Công văn	99/MTTQ-BTT	01/8/2025	Công văn đề nghị hoàn thiện các nội dung bàn giao, tiếp nhận tài sản và cơ sở vật chất khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	
5	Quyết định	33/QĐ-MTTQ-BTT	04/8/2025	Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo phương án sắp xếp, tinh gọn hợp nhất tổ chức bộ máy các Hội quần chúng do Đảng Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
6	Công văn	260/MTTQ-BTT	05/9/2025	Công văn giao nhiệm vụ các tổ công tác phục vụ bàn giao tiếp nhận tài sản và cơ sở vật chất khi thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy MTTQ các tổ chức Chính trị xã hội	
7	Kế hoạch	11/KH-MTTQ-BTT	06/9/2025	Kế hoạch tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	
8	Báo cáo	38-BC/ĐU	22/9/2025	Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII " Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"	
9	Kế hoạch	15/KH-MTTQ-BTT	30/9/2025	KH kiểm tra công tác sắp xếp tổ chức bộ máy sau khi thành lập MTTQ Việt Nam cấp xã, công tác triển khai văn bản và lưu trữ hồ sơ sau khi Đại hội Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2025, việc kiện toàn Ban Thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, công tác tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp, Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp	

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	Báo cáo	97/BC-MTTQ-BTT	17/10/2025	Báo cáo kết quả thực hiện tiếp nhận và đề xuất phương án xử lý tài sản	



## TỔ CHỨC BỘ MÁY, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

ST T	Cơ quan, tổ chức hành chính	Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND, HDND cấp tỉnh									Số lượng lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn											Ghi chú	
		Số phòng thuộc Sở và tương đương			Chi cục và tương đương			Số phòng thuộc Chi cục và tương đương			Lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương			Lãnh đạo phòng thuộc sở và tương đương			Lãnh đạo chi cục và tương đương			Lãnh đạo chi cục và tương đương			
		Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/ 2026	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26	Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ	Tại thời điểm hoàn thành sắp xếp 01/7/20 25	Tại thời điểm 31/5/20 26		Dự kiến phươn g án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59- CV/BC Đ
TỔNG CỘNG																							
I	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	88	84	75	7	7	7	35	35	35	60	59	53	225	206	186	20	19	15	20	19	15	
1	Sở Dân tộc và Tôn Giáo	4	4	4							3	3	3	10	8	8							
3	Sở Tài chính	9	9	9							6	4	4	29	29	29							
2	Sở Xây dựng	7	7	7							5	5	5	18	16	17							
4	Sở Khoa học và Công nghệ	4	4	4							5	5	4	9	9	10							
6	Sở Nông nghiệp và Môi Trường	4	4	4	4	4	4	26	26	26	6	6	5	13	14	14	14	14	11	14	14	11	
7	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	13	13	8							4	3	4	32	32	21							
5	Sở Nội vụ	6	6	6	1	1	1	2	2	2	5	5	5	19	19	19	2	2	2	2	2	2	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	6	6							5	6	5	14	14	12							
9	Sở Ngoại vụ	3	3	3							3	3	3	4	4	6							
11	Sở Công thương	4	4	4	1	1	1	5	5	5	4	4	4	10	10		2	1		2	1		
12	Sở Tư pháp	7	7	7							4	4	4	13	13	12							
13	Sở Y tế	5	5	5	1	1	1	2	2	2	4	4	4	12	13	13	2	2	2	2	2	2	



**Biểu 5B**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, VIỆC BỔ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP TỈNH**  
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay			Ghi chú
				Tiền sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ Trung ương	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	
<b>A</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>184</b>	<b>175</b>	<b>0</b>	<b>75</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>82</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>105</b>	<b>27</b>	
1	Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ	1	1		1				1		1			
2	Phó Bí Thư tỉnh uỷ, thành uỷ	3	3		3				3			3		
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT + CVPTU	5	5		4	1			5			5		
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT + PCVPTU	19	15		10	5			15			14	1	
5	Ủy viên uỷ ban kiểm tra chuyên trách	7	7		4	3			7			7		
6	Trưởng phòng và tương đương	22	17		7	10			17			13		
7	Phó Phòng và tương đương	41	41		20	21			27	14		21	10	
8	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	86	86		26	60			7	79		42	16	
<b>B</b>	<b>Khối MTTQ, các đoàn thể</b>	<b>137</b>	<b>116</b>		<b>21</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>26</b>	<b>67</b>		<b>110</b>	<b>6</b>	
1	Chủ tịch MTTQ		1		1				1			1		
2	Phó Chủ tịch MTTQ/Phó Chủ tịch MTTQ kiêm trưởng các tổ chức đoàn thể		6		6				6			6		
3	Trưởng phòng và tương đương		6		2	4			6			6		
4	Phó Phòng và tương đương		35		5	30			7	27		32	3	
5	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		68		7	59	1	1	6	40		65	3	
<b>C</b>	<b>Khối chính quyền</b>	<b>1199</b>	<b>1086</b>	<b>2</b>	<b>341</b>	<b>706</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>235</b>	<b>419</b>	<b>1</b>	<b>1042</b>	<b>43</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2	2		2				2			2		



Biểu 6B

**BÁO CÁO THÔNG KÊ VIỆC BỔ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**  
**Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa**  
**phương 2 cấp**  
**(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)**

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay					Ghi chú
				Tiền sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	
	<b>KHỐI ĐẢNG + ĐOÀN THỂ</b>	1410	1232	1	150	1049	9	23	248	888	13	467	741	11	0	
<b>A</b>	<b>Khối Đảng</b>	933	835	1	136	679	4	15	208	547	13	388	423	11	0	
1	Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu	45	44	1	33	10	0	0	44	0	10	32	2	0	0	
2	Phó Bí Thư đảng ủy xã, phường, đặc khu	45	45	0	32	13	0	0	45	0	2	35	8	0	0	
3	Trưởng ban, Chủ nhiệm UBKT, Chánh	135	127	0	30	97	0	0	85	42	0	88	39	0	0	
4	Phó Trưởng ban, Phó chủ nhiệm UBKT, Phó CVP ĐU xã	140	140	0	23	116	1	0	29	111	0	77	60	3	0	
5	Ủy viên ủy ban kiểm tra chuyên trách	135	126	0	2	124	0	0	1	119	0	35	91	0	0	
6	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	433	353	0	16	319	3	15	4	275	1	121	223	8	0	
<b>B</b>	<b>Khối MTTQ, các đoàn thể</b>	477	397	0	14	370	5	8	40	341	0	79	318	0	0	
1	Chủ tịch MTTQ	45	44	0	4	40	0	0	20	23	0	13	31	0	0	
2	Phó Chủ tịch MTTQ/Phó Chủ tịch	180	168	0	7	159	2	0	18	145	0	41	127	0	0	
3	Phó các tổ chức đoàn thể	0	53	0	1	51	0	1	1	52	0	5	48	0	0	

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay					Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	
4	Công chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	252	132	0	2	120	3	7	1	121	0	20	112	0	0	
<b>C</b>	<b>Khối chính quyền</b>	<b>1751</b>	<b>1595</b>	<b>0</b>	<b>178</b>	<b>1393</b>	<b>17</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>583</b>	<b>995</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ</b>	<b>652</b>	<b>559</b>	<b>0</b>	<b>156</b>	<b>403</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>330</b>	<b>217</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban	45	45		43	2					7	33	5			
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy	133	129		46	83					1	73	53	2		
5	Trưởng phòng và tương đương	172	140		40	100						92	47	1		
6	Phó Trưởng phòng và tương đương	302	245		27	218						132	112	1		
<b>II</b>	<b>CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ (Công chức chuyên môn không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo từng lĩnh vực)</b>	<b>1099</b>	<b>1036</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>990</b>	<b>17</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>253</b>	<b>778</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Văn phòng	181	165		5	156	1	3				28	137			
2	Lĩnh vực Tư pháp	58	56			56						9	47			
3	Lĩnh vực Đối ngoại	15	14			13	1					2	12			
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	103	102		5	95	2					41	60	1		
5	Lĩnh vực Xây dựng	62	58		3	53	2					25	33			
6	Lĩnh vực Công Thương	18	17			17						7	10			
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	142	135		2	133						42	92	1		
8	Lĩnh vực Nội vụ	121	117		1	115		1				36	81			

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao/tạm giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay					Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cán bộ, công chức cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp Huyện	Cán bộ, công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	32	28		3	25						10	16	2		
10	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin	64	59			56	3					7	51	1		
11	Lĩnh vực Y tế	31	30			27	3					9	21			
12	Trung tâm Phục vụ hành chính công	167	156		1	150	3	2				11	145			
13	Lĩnh vực, vị trí khác	105	99		2	94	2	1				26	73			
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3161</b>	<b>2827</b>	<b>1</b>	<b>328</b>	<b>2442</b>	<b>26</b>	<b>30</b>	<b>248</b>	<b>888</b>	<b>21</b>	<b>1050</b>	<b>1736</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	.....

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 31/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc Đảng ủy, MTTQ, các đoàn thể, HĐND, UBND cấp xã.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG VIÊN CHỨC CẤP TỈNH, CẤP XÃ**  
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Vị trí việc làm	Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp	Trong đó số lượng ĐVSN chi theo mức độ tự chủ				Tổng số lượng người làm việc mặt		Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Ghi chú
			ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	
<b>A</b>	<b>Khối Đảng</b>	12	0	0	2	10	185	8	1	60	124	0	0	37	50	
<b>I</b>	<b>Đơn vị thuộc Tỉnh uỷ</b>	2			2		164	8	1	52	111	0	0	27	39	
1	Cấp trưởng đơn vị	2							1		1			2		
2	Cấp phó đơn vị	5								3	2			5		
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị	11								11				11		
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị	18								18				9	9	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực															
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc															
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh	128								20	108				30	
<b>II</b>	<b>Đơn vị thuộc các ban, văn phòng tỉnh uỷ</b>															
1	Cấp trưởng đơn vị															
2	Cấp phó đơn vị															
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị															
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị															
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực															
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc															
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh															
<b>III</b>	<b>Đơn vị thuộc Đảng uỷ cấp xã</b>	10				10	21			8	13			10	11	
1	Cấp trưởng đơn vị	1					1			1				1		
2	Cấp phó đơn vị	8					8			4	4			6	2	
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị															
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị															
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực															
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc															
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh	12					12			3	9			3	9	
<b>B</b>	<b>Khối MTTQ, các đoàn thể</b>	7	0	0	0	7	7	0	0	0	6	1	1	1	1	
<b>I</b>	<b>Đơn vị thuộc MTTQ tỉnh</b>	7				7	7				6	1	1	1	1	
1	Cấp trưởng đơn vị															
2	Cấp phó đơn vị															
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị															
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị	1				1	1				1			1		

TT	Vị trí việc làm	Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp	Trong đó số lượng ĐVSN chi theo mức độ tự chủ				Tổng số lượng người làm việc mặt		Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trình độ lý luận chính trị		Ghi chú	
			ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp		
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực																
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc																
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh	6				6	6				5	1	1		1		
<b>II</b>	<b>Đơn vị thuộc các ban, đoàn thể thuộc MTTQ</b>																
1	Cấp trưởng đơn vị																
2	Cấp phó đơn vị																
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị																
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị																
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực																
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc																
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh																
<b>C</b>	<b>Khối chính quyền</b>	<b>572</b>	<b>5</b>	<b>12</b>	<b>23</b>	<b>532</b>	<b>19017</b>	<b>1282</b>	<b>5</b>	<b>944</b>	<b>16626</b>	<b>1909</b>	<b>773</b>	<b>159</b>	<b>2875</b>		
<b>I</b>	<b>Đơn vị thuộc UBND tỉnh</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>230</b>	<b>221</b>	<b>2</b>	<b>125</b>	<b>313</b>	<b>2</b>	<b>9</b>	<b>54</b>	<b>113</b>		
1	Cấp trưởng đơn vị						2	4	1	4	1	0	0	6	0		
2	Cấp phó đơn vị						2	9	1	7	3	0	0	11	1		
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị						3	7	0	6	4	0	0	10	0		
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị						2	22	0	5	19	0	0	6	17		
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực						14	1	0	14	1	0	0	13	2		
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc						25	2	0	19	8	0	0	2	25		
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh						182	176	0	70	277	2	9	6	68		
<b>II</b>	<b>Đơn vị thuộc các sở, ngành</b>	<b>85</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>22</b>	<b>57</b>	<b>5008</b>	<b>1019</b>	<b>3</b>	<b>619</b>	<b>4066</b>	<b>961</b>	<b>378</b>	<b>92</b>	<b>942</b>		
1	Cấp trưởng đơn vị						71	9	2	47	31	0	0	54	26		
2	Cấp phó đơn vị						146	20	1	57	108	0	0	34	132		
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị						174	47	0	27	194	0	0	2	156		
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị						305	69	0	26	307	6	35	0	170		
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị trực						3	0	0	0	3	0	0	0	3		
6	Phó Phòng và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc																
7	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh						4309	874		462	3423	955	343	2	455		
<b>III</b>	<b>Đơn vị thuộc UBND cấp xã</b>	<b>481</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>473</b>	<b>13779</b>	<b>42</b>	<b>0</b>	<b>200</b>	<b>12247</b>	<b>946</b>	<b>386</b>	<b>13</b>	<b>1820</b>		
1	Cấp trưởng đơn vị						435	3	0	113	324	1	0	6	432		
2	Cấp phó đơn vị						784	3	0	48	738	1	0	7	770		
3	Cấp trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị																
4	Cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị																
5	Viên chức chuyên môn (không giữ chức vụ lãnh						12560	36	0	39	11185	944	386	0	618		
	<b>TỔNG SỐ</b>																

## Biểu 8B

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG**  
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, số, chỉ cục thuộc số, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC, doanh nghiệp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCD		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo dự kiến						
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo định hướng của BCD (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC, doanh nghiệp sau sắp xếp, tính gọn	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNC)			
										DV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	DV tự bảo đảm chi TX	DV tự bảo đảm một phần chi TX	DV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG</b>	<b>592</b>	<b>421</b>				<b>TỔNG</b>	<b>620</b>	<b>367</b>	<b>3</b>	<b>18</b>	<b>23</b>	<b>570</b>
<b>I</b>	<b>Khối đảng</b>	1				<b>I</b>	<b>Khối đảng</b>						
1	Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy	Thuộc Văn phòng Tỉnh ủy	0	giải thể do hoạt động không hiệu quả			Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy	Thuộc Văn phòng Tỉnh ủy	0				X
<b>II</b>	<b>Khối MTTQ, các đoàn thể</b>	1				<b>II</b>	<b>Khối MTTQ, các đoàn thể</b>						
<b>1</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp</b>					<b>1</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp</b>						
	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	Thuộc Ủy ban MTTQ tỉnh	0	Không	Không		Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	Thuộc Ủy ban MTTQ tỉnh					X
<b>2</b>	<b>Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</b>					<b>2</b>	<b>Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</b>						
<b>III</b>	<b>Khối Chính quyền</b>	<b>590</b>	<b>421</b>			<b>III</b>	<b>Khối Chính quyền</b>	<b>620</b>	<b>367</b>	<b>3</b>	<b>18</b>	<b>23</b>	<b>570</b>
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>					<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>						
1,1	Đại học					1,1	Đại học						
	(Không có)						(Không có)						

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, sở, chi cục thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC, doanh nghiệp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo dự kiến							
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNC, doanh nghiệp theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC, doanh nghiệp sau sắp xếp, tính gọn	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNC)				
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	
1,2	Cao đẳng					1,2	Cao đẳng							
-	Trường Cao đẳng Điện Biên	Thuộc UBND tỉnh	15	Giữ nguyên		-	Trường Cao đẳng Điện Biên	Thuộc UBND tỉnh	15				x	
-	Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	Thuộc Sở Y tế	6	Thành lập phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên			Phân Hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên	Thuộc ĐH Thái Nguyên						
-	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	8											
1,3	Trung cấp nghề					1,3	Trung cấp nghề							
	(Không có)						(Không có)							
1,4	Trung tâm GDNN					1,4	Trung học nghề							
-	Trung tâm GDNN-GDTC 1	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5	Giữ nguyên		-	Trung tâm GDNN-GDTC 1	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5				x	
-	Trung tâm GDNN-GDTC 2	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5	Giữ nguyên		-	Trung tâm GDNN-GDTC 2	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5					x
-	Trung tâm GDNN-GDTC 3	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5	Giữ nguyên		-	Trung tâm GDNN-GDTC 3	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5					x
-	Trung tâm GDNN-GDTC 4	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5	Giữ nguyên		-	Trung tâm GDNN-GDTC 4	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	5					x
1,5	Trung tâm GDTC						..							
	...						..							
1,6	Trung học phổ thông					1,5	Trung học phổ thông							

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, sở, chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNNCL, doanh nghiệp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNNCL, doanh nghiệp theo dự kiến							
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNNCL, doanh nghiệp theo định hướng của BCD (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNNCL, doanh nghiệp sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNNCL)				
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	
-	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Điện Biên Phủ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Điện Biên Phủ	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Phan Đình Giót	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Phan Đình Giót	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Hoàng Công Chất	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Hoàng Công Chất	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Tuần Giáo	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Tuần Giáo	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Mường Lay	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Mường Lay	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Thanh Chăn	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Thanh Chăn	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Na Sang	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Na Sang	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Trần Can	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Trần Can	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Mường Ảng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Mường Ảng	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Tủa Chùa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Tủa Chùa	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Nà Tấu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Nà Tấu	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Mường Nhà	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Mường Nhà	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x
-	Trường THPT Mường Luân	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		Giữ nguyên		-	Trường THPT Mường Luân	Thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo						x

**Biểu 9B**

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CẤP TỈNH ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI VỀ HỖ TRỢ CẤP XÃ  
TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Cán bộ công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh được điều động, luân chuyển, tăng cường, biệt phái về cấp xã hỗ trợ theo các lĩnh vực	Tổng số	Trong đó chia ra theo các khối, lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức							Ghi chú	
			Trong đó là cán bộ lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức		Khối đảng		Khối chính quyền		Khối MTTQ, các đoàn thể		
			Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Công chức, viên chức	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)		Điều động, luân chuyển
1	Tài chính	5	1	4			4	1			
2	Nông nghiệp và môi trường	5		5			5				
3	Khoa học và công nghệ	5		5			5				
4	Nội vụ	2		2			2				
5	Tư pháp	1		1			1				
6	Xây dựng	3	1	2		1	2				
7	Thanh tra tỉnh	16		16			16				
8	Dân tộc và Tôn giáo	3	1	2		1	2				
9	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2		2			2				
10	Công Thương	1		1			1				
11	Cao đẳng Y tế	1		1			1				
12	Văn phòng UBND tỉnh	3	1	2			2	1			
13	Ban Quản lý dự án các công trình giao thông	3		3			3				
14	Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp	2		2			2				
15	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 1	3		3			3				
16	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 2	3		3			3				
17	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 3	2		2			2				
18	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 4	3		3			3				
19	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 5	3		3			3				
20	Cao đẳng Điện Biên	6		6			6				
21	Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	4		4			4				

STT	Cán bộ công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh được điều động, luân chuyển, tăng cường, biệt phái về cấp xã hỗ trợ theo các lĩnh vực	Tổng số	Trong đó chia ra theo các khối, lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức								Ghi chú
			Trong đó là cán bộ lãnh đạo, quản lý/công chức, viên chức		Khối đảng		Khối chính quyền		Khối MTTQ, các đoàn thể		
			Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Công chức, viên chức	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	Biệt phái (tăng cường hỗ trợ)	Điều động, luân chuyển	
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 1	2		2			2				
23	Sở Y tế	45		45			45				
24	Ủy ban MTTQ Tỉnh ủy	3	1	2			3				
25	Ban Nội chính Tỉnh ủy	1		1			1				
26	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1	1				1				
<b>TỔNG</b>		<b>128</b>	<b>6</b>	<b>122</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>124</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026

STT	Cấp hành chính	Số thủ tục hành chính					Số thủ tục hành chính được giao bổ sung, tăng thêm mới từ 01/7/2025 - 31/5/2026				Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã và đang thực hiện từ 01/7/2025 đến 31/5/2026								
		Tổng số thủ tục hành chính tại thời điểm 30/6/2025	Số thủ tục hành chính tại thời điểm 31/5/2026					Tổng số thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính từ Trung ương, bộ, ngành chuyển về cấp tỉnh, cấp xã	Tủ tục hành chính từ cấp tỉnh chuyển về cấp xã	Thủ tục bổ sung mới theo chức năng nhiệm vụ mới phát sinh	Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính	Số hồ sơ giải quyết trước hạn	Số hồ sơ giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ đang giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn	Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính		
			Tổng số thủ tục hành chính	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	Số thủ tục hành chính chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số thủ tục hành chính đã đơn giản hoá, dễ thực hiện										Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
I	Cấp tỉnh																		
1	Khối Đảng																		
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																		
3	Hội đồng nhân dân																		
4	Ủy ban nhân dân	1.375	1.740	736	898	106		934	278	634	23.597	23.584	0	13	39	4	100		
II	Cấp xã																		
1	Khối Đảng																		
2	Khối MTTQ, các đoàn thể																		
3	Hội đồng nhân dân																		
4	Ủy ban nhân dân	197	441	211	230	0					107.071	106.848	0	223	293	0	100		

Biểu 12B

## TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 VÀ NĂM 2026

STT	Nội dung	Năm 2025		Dự toán giao năm 2026		Số thực hiện đến 31/5/2026		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	
I	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước</b>	2.360.218	100,00%	2.310.000	100,00%	671.860	100,00%	
1	<i>Cấp tỉnh</i>	2.157.816	91,42%	1.790.000	77,49%	434.555	64,68%	
2	<i>Cấp xã</i>	202.402	8,58%	520.000	22,51%	237.305	35,32%	
II	<b>GRDP</b>							
1	<i>Cấp tỉnh</i>							
2	<i>Cấp xã</i>							
III	<b>Tổng chi ngân sách nhà nước</b>	18.622.060	200,00%	14.985.879	200,00%	6.642.996	200,00%	
1	<i>Tổng chi cấp tỉnh</i>	12.112.054	100,00%	7.237.585	100,00%	3.776.740	100,00%	
1.1	Tổng chi đầu tư phát triển	4.620.817	38,15%	2.533.209	35,00%	2.298.461	60,86%	
1.2	Tổng chi thường xuyên	7.483.878	61,79%	4.541.756	62,75%	1.437.717	38,07%	
-	Chi cho tổ chức bộ máy	1.087.549	14,53%	578.717	12,74%	217.353	15,12%	
-	Chi sự nghiệp y tế	1.223.085	16,34%	1.327.114	29,22%	538.173	37,43%	
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	3.414.351	45,62%	1.151.915	25,36%	320.825	22,31%	
-	Chi thường xuyên khác	1.758.893	23,50%	1.484.010	32,67%	361.366	25,13%	
1.3	Các khoản chi khác	7.359	0,06%	162.620	2,25%	40.562	1,07%	
2	<i>Tổng chi cấp xã</i>	6.510.006	100,00%	7.748.294	100,00%	2.866.256	100,00%	
2.2	Tổng chi đầu tư phát triển	27.141	0,42%	88.400	1,14%	11.600	0,40%	
2.2	Tổng chi thường xuyên	6.482.865	99,58%	7.505.792	96,87%	2.854.656	99,60%	
-	Chi cho tổ chức bộ máy	1.956.706	30,18%	1.085.631	14,46%	609.762	21,36%	
-	Chi sự nghiệp y tế	3.747	0,06%	5.050	0,07%	75	0,00%	
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	2.734.075	42,17%	5.087.314	67,78%	1.849.461	64,79%	
-	Chi thường xuyên khác	1.788.337	27,59%	1.327.797	17,69%	395.358	13,85%	
2.3	Các khoản chi khác		0,00%	154.102	1,99%		0,00%	